



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN**

**2014**

**KINH DOANH CHỨNG KHOÁN//** chìa khóa để tạo ra giá trị lâu dài cho bất kỳ doanh nghiệp, là phải luôn luôn sáng tạo. Để đáp ứng linh hoạt tất cả các nhu cầu của quý vị, BSI luôn xác định xu hướng mới xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp và không ngừng sáng tạo những giá trị mới cho khách hàng, đối tác và cổ đông. Trong báo cáo thường niên, quý vị sẽ khám phá ra sự đổi mới mà chúng tôi đang xây dựng để đạt được tiến bộ cụ thể trong lĩnh vực quản lý kinh doanh chứng khoán...

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	2012	2013	Đơn vị tính: đồng Việt Nam 2014
Tổng tài sản	2.315.984.556.571	836.651.500.295	493.570.103.630
Vốn điều lệ	400.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000
Số cổ phiếu lưu hành (cổ phiếu)	40.000.000	40.000.000	40.000.000
Vốn chủ sở hữu	415.220.108.674	386.655.097.206	372.040.384.099

**KẾT QUẢ KINH DOANH**

	2012	2013	Đơn vị tính: đồng Việt Nam 2014
Doanh thu thuần	381.746.522.266	139.894.426.189	26.815.669.075
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	39.853.257.017	2.447.963.709	999.212.147
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.218.627.338	-25.346.113.012	-13.768.299.846
Lợi nhuận trước thuế	7.367.142.052	-26.292.042.497	-13.954.042.107

**CHỈ TIÊU KHÁC**

	2012	2013	Đơn vị tính: % 2014
Cơ cấu tài sản (%)			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	92.95	81.22	74.09
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	7.05	18.78	25.91
Cơ cấu nguồn vốn (%)			
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	82.07	53.79	24.62
Nguồn vốn CSH/ Tổng tài sản	17.93	46.21	75.38

**TỶ SUẤT LỢI NHUẬN**

	2012	2013	Đơn vị tính: % 2014
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	1.93	-18.79	-52.04
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0.32	-3.14	-2.83
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	1.84	-6.57	-3.49
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	1.77	-6.80	-3.75

**Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BSI)** được thành lập theo Quyết định số 67/UBCK-GP ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Triển khai hoạt động tại Việt Nam từ năm 2007 và kể từ đó BSI luôn đạt được sự gia tăng về khối lượng giao dịch hàng năm. Tại BSI, chúng tôi cùng nhau xây dựng để trở thành một thương hiệu chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam. BSI cam kết cung cấp cho khách hàng các dịch vụ hoàn hảo, sản phẩm chất lượng đa dạng và chuyên biệt, có độ tin cậy cao dựa trên một nền tảng đội ngũ chuyên viên am hiểu về tài chính và giàu kinh nghiệm. “Vững tin vào đầu tư” là sức mạnh, thông điệp và cam kết hoạt động của BSI. Chúng tôi hiểu rằng sự thành công của khách hàng chính là sự thành công của BSI.

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

## MỤC LỤC

- 5 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 6 Tổng quan về công ty
- 10 Cột mốc phát triển
- 14 Môi trường kinh doanh 2014
- 23 Tóm tắt một số chỉ tiêu tài chính 2014 của BSI
- 24 Kết quả hoạt động năm 2014 của BSI
- 30 Tình hình nhân sự
- 32 Định hướng phát triển 2015
- 32 Một số chỉ tiêu tài chính 2015
- 34 Sơ đồ tổ chức
- 36 Hội đồng quản trị
- 38 Ban Kiểm soát
- 39 Ban Tổng Giám đốc
- 42 Báo cáo tài chính 2014



**Nguyễn Văn Cựu** - Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị  
Công ty cổ phần chứng khoán Beta

# THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Kính thưa Quý Cổ đông, Quý khách hàng và các đối tác thân mến,*

Lời đầu tiên, tôi thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BSI) xin trân trọng tri ân Quý vị đã đồng hành và ủng hộ chúng tôi trong suốt thời gian qua.  
*Thưa Quý Cổ đông,*

Năm 2014 tiếp tục là một năm khó khăn cho nền kinh tế Việt Nam, mặc dù đã xuất hiện một số diễn biến tích cực. Tuy nhiên, tình hình biến Động phức tạp, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn, sức hấp thụ vốn của nền kinh tế còn yếu kém. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến Thị trường Chứng khoán nói chung và các Công ty Chứng khoán nói riêng. Trước bối cảnh đó, BSI phải đối mặt với nhiều thách thức trong việc cơ cấu danh mục đầu tư, duy trì các chỉ tiêu an toàn tài chính và bảo toàn nguồn vốn; song với lợi thế kinh doanh sẵn có và đội ngũ nhân viên tư vấn dày dặn kinh nghiệm; BSI đã tiến hành tái cấu trúc các hoạt động kinh doanh, tăng cường

công tác huy động vốn, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Thành quả đạt từ những nỗ lực này của BSI là sự tin cậy, hài lòng từ phía khách hàng và đối tác.

Năm 2015, nền kinh tế trong nước được dự báo sẽ tăng trưởng ổn định và tích cực hơn so với năm 2014. Đứng trước cơ hội này, BSI sẽ cố gắng chủ động phát huy mọi tiềm lực trong hoạt động kinh doanh; thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra. Nhằm đáp ứng mong muốn gia tăng cổ tức của các Cổ đông, thỏa mãn nhu cầu của khách hàng và đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty.

Một lần nữa, chúng tôi hi vọng những nỗ lực làm việc của Ban điều hành và đội ngũ nhân viên cùng với sự tin tưởng, ủng hộ và gắn bó của Quý cổ đông, khách hàng và các đối tác trong thời gian đến sẽ là động lực to lớn thúc đẩy BSI ngày một lớn mạnh, gặt hái thêm nhiều thành công và vươn xa hơn nữa trong năm 2015.

Xin trân trọng cảm ơn và kính chào.



**NGUYỄN VĂN CỰU**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

# TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

## THÔNG TIN CHUNG

Tên chính thức: Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BSI)  
Hội sở: 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 3914 2929  
Fax: (84-8) 3914 3435  
Email: support@bsi.com.vn  
Website: www.bsi.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BSI) được thành lập vào ngày 06/12/2007 theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Vốn điều lệ

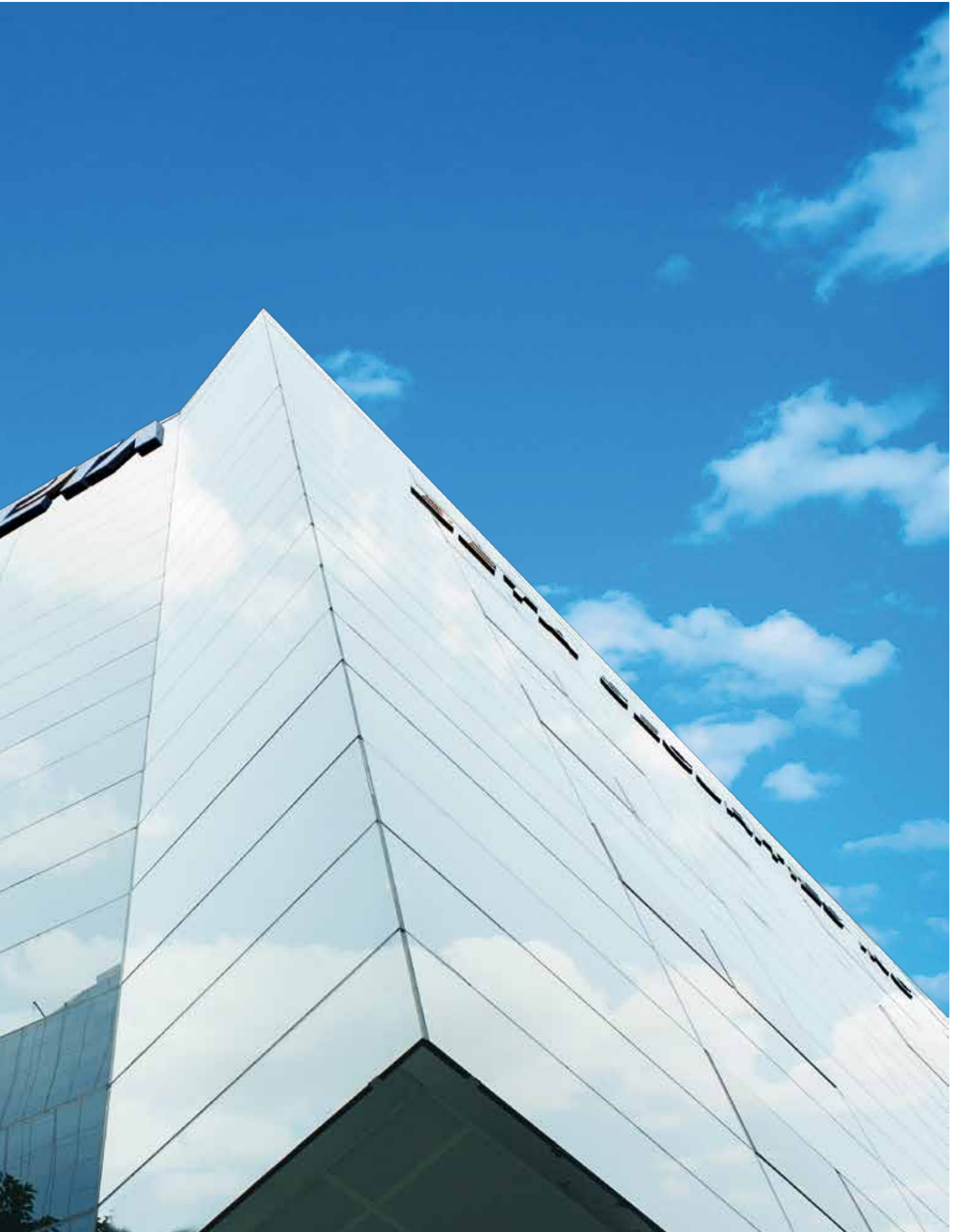
**400.000.000.000 VNĐ**

Hiện nay, BSI đang hoạt động với số vốn điều lệ là 400 tỷ đồng và thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán.

## LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Môi giới chứng khoán  
Lưu ký chứng khoán  
Tư vấn đầu tư chứng khoán  
Tự doanh chứng khoán  
Tư vấn tài chính doanh nghiệp  
Bảo lãnh phát hành chứng khoán  
Xác định giá trị doanh nghiệp





# Vision Mission & Values

## **TÂM NHÌN**

Trở thành một trong những Công ty Chứng khoán hàng đầu Việt Nam về thương hiệu và chất lượng dịch vụ.

## **SỨ MỆNH**

BSI xác định nguồn nhân lực làm nòng cốt, tạo dựng đội ngũ CBNV làm việc chuyên nghiệp và có đạo đức nghề nghiệp.

BSI chú trọng tạo lập, duy trì sự tin cậy, hài lòng của khách hàng, đối tác và đảm bảo hài hòa lợi ích cho cổ đông.

BSI hoạt động hướng đến lợi ích chung của xã hội.

**GIÁ TRỊ CỐT LÕI**

MINH BẠCH: BSI hoạt động theo tiêu chí minh bạch và trung thực.

SÁNG TẠO: BSI xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp và không ngừng sáng tạo những giá trị mới cho khách hàng, đối tác và cổ đông.

TIN CẬY: nền tảng kinh doanh của BSI là tạo dựng uy tín với khách hàng, đối tác và cổ đông.

**LỢI THẾ CẠNH TRANH**

BSI có tiềm lực tài chính mạnh.

BSI có chiến lược phát triển bền vững.

BSI hội tụ đội ngũ nhân sự chất lượng cao có tầm nhìn và đạo đức nghề nghiệp.

BSI áp dụng công nghệ hiện đại và cung cấp dịch vụ chất lượng.

# CỘT MỐC PHÁT TRIỂN

2007

Ngày 06/12/2007:  
BSI được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 135 tỷ đồng, trụ sở chính đặt tại số 16 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

2008

Ngày 25/07/2008:  
Vốn điều lệ của BSI tăng từ 134 tỷ đồng lên 270 tỷ đồng.

Ngày 28/08/2008:  
BSI tăng vốn điều lệ từ 270 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng.

2009

Ngày 01/07/2009:  
BSI chính thức triển khai hệ thống giao dịch trực tuyến (Online Trading).

Ngày 08/10/2009:  
BSI thành lập Chi nhánh Hà Nội tại số 27 Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngày 20/11/2009:  
BSI chính thức triển khai các nghiệp vụ Lưu ký chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn Tài chính doanh nghiệp, Bảo lãnh phát hành chứng khoán, Xác định giá trị doanh nghiệp.

2010

Ngày 14/10/2010:  
BSI thành lập Chi nhánh Sài Gòn tại số 38-40-42 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2011

Tháng 01/2011:  
BSI vinh dự đón nhận giải thưởng Cúp vàng “Doanh nghiệp hội nhập và phát triển năm 2010”.

Ngày 31/08/2011:  
Vốn điều lệ của BSI tăng từ 300 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng.

2012

Đưa vào sử dụng phần mềm giao dịch trực tuyến hiện đại B-Trade, triển khai nghiệp vụ Margin.

2013

Thị phần môi giới chứng khoán niêm yết trên hai sàn HOSE và HNX của BSI chiếm gần 1%. Thuộc Top 10 Công ty có thị phần môi giới Trái phiếu Chính phủ nhiều nhất năm 2013.

Tháng 03/2013:  
Thành lập văn phòng đại diện tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Tháng 10/2013:  
BSI chính thức chuyển Trụ sở hoạt động về 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, ngay trung tâm tài chính của thành phố.

2014

Tháng 01/2014:  
BSI chính thức triển khai phần mềm giao dịch chứng khoán mới T-Solution (Hàn Quốc) bao gồm B-Pro, B-Web và B-Mobile để hỗ trợ tối đa cho nhà đầu tư trong giao dịch chứng khoán.

Đây là một trong những phần mềm mạnh nhất trên thị trường trong nước và đang được ứng dụng rộng rãi tại một số nước trong khu vực.

Tại Việt Nam, T-Solution đang được những công ty chứng khoán lớn như VCSC, SHS, PSI, Woori CVB, KIS sử dụng.



*Bạn chỉ có thể nhận ra thực tại và xác định tương lai khi bạn biết quá khứ.*

*You can only recognize the present and determine the future if you know the past.*

*Laotse*

# MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2014

## MÔI TRƯỜNG KINH TẾ THẾ GIỚI

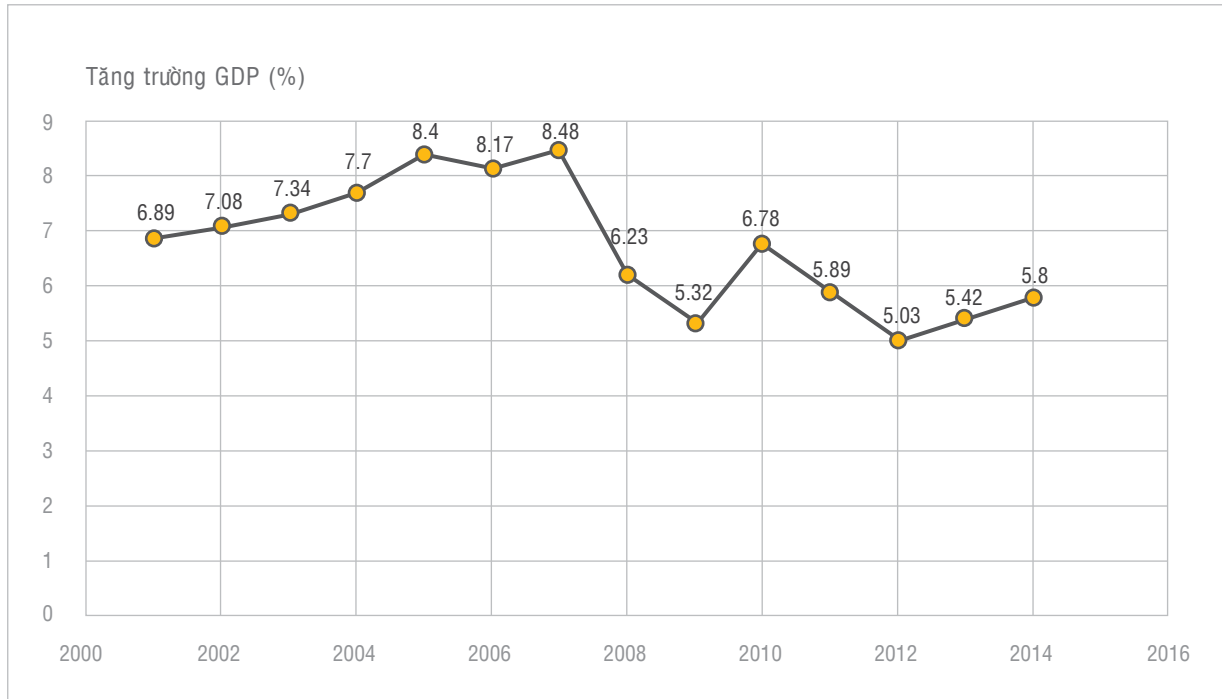
Tăng trưởng kinh tế toàn cầu với vai trò chủ đạo của những nền kinh tế lớn đã có những dấu hiệu hồi phục từ cuối năm 2013 tới giữa năm 2014. Sáu tháng đầu năm 2014, kinh tế thế giới phát triển với nhiều kỳ vọng nhưng 6 tháng cuối năm chúng kiến nhiều bất ổn và biến động phức tạp khiến nền kinh tế thế giới gặp nhiều thách thức. Xung đột tại Nga và Ukraine, cuộc chiến do nhà nước Hồi giáo (IS) phát động tại Trung Đông khiến IMF và WB liên tục hạ dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới 2015 lần lượt ở mức 3.5% và 2.6%. Tốc độ tăng trưởng toàn cầu thấp hơn nhiều so với giai đoạn khủng hoảng, giá dầu và hầu hết các kim loại chủ chốt, nguyên liệu sản xuất trong xu hướng giảm mạnh cũng góp phần tác động nhất định tới các khu vực kinh tế như châu Á và châu Âu được nhận định là vẫn còn nhiều khó khăn. Nền kinh tế Trung quốc trong năm 2014 lại có tốc độ tăng trưởng rất chậm bởi những chính sách kém hiệu quả, chương trình kích thích kinh tế thiếu hiệu quả và chiều sâu của khối EU và Nhật Bản là nguyên nhân khiến nền kinh tế thế giới 2014

phục hồi chậm lại. Tuy vậy, Kinh tế thế giới năm 2015 vẫn có những điểm sáng nhất định, đó là sự hồi phục của nền kinh tế lớn nhất thế giới là Mỹ và khu vực Bắc Mỹ có những tác động tích cực đến sản xuất và tiêu dùng do sự giảm giá liên tục của giá dầu.

## MÔI TRƯỜNG KINH TẾ VIỆT NAM

Năm 2014 nền kinh tế vĩ mô ở Việt Nam đã có triển vọng phục hồi, cải thiện nhất định. GDP đã tăng trưởng nhẹ dự kiến đạt trên 5.8% so với mức 5.4% năm 2013. Lãi suất giảm dần về mức phù hợp với mặt bằng lãi suất cho vay hiện nay là 8-11%. Lạm phát ổn định dưới 5%. Hoạt động sản xuất kinh doanh chuyển từ trạng thái co cụm, cầm chừng sang phát triển từ từ, doanh nghiệp trong nước sau quá trình tái cơ cấu theo định hướng thị trường đã bắt đầu thúc đẩy sản xuất, kinh doanh dẫn tới việc làm tăng tiêu dùng tăng theo đó hàng tồn kho trong một số ngành kinh tế chủ chốt của đất nước giảm.





Biểu đồ 1

Nguồn: UBGSTCQG (12/2014), cập nhật bởi BSI

### TĂNG TRƯỞNG GDP PHỤC HỒI

Trong xu thế tăng trưởng của nền kinh tế thế giới trong 6 tháng đầu năm 2014 cùng những nỗ lực cải cách của chính phủ trong các năm trước đó và những chương trình tái cơ cấu hợp lý của cộng đồng các doanh nghiệp, nhìn tổng thể nền kinh tế Việt Nam đã có những phát triển khởi sắc trong năm 2014. Tốc độ tăng trưởng GDP hàng quý (sau khi bỏ tính mùa vụ) luôn duy trì xu hướng tăng kể từ quý 1/2014. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP Việt Nam đã tăng trưởng từ 5.09% tại quý 1/2014 đến quý 3/2014 là 5.62%, tốc độ tăng trưởng 9 tháng đầu năm rất ấn tượng trong 3 quý đầu năm, dự kiến kết thúc năm 2014, GDP Việt Nam có thể sẽ vượt mục tiêu tăng trưởng đề ra là 5,8% (cao hơn so với mức 5,5% theo dự báo của WB). Trong điều kiện kinh tế thế giới có nhiều bất ổn, sản xuất trong nước còn gặp nhiều khó khăn, lạm phát giảm với tốc độ chậm dần. Chính phủ đã tập trung chỉ đạo quyết liệt các ngành, các cấp thực hiện ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô nên đây là mức tăng hợp lý, khẳng định tính đúng đắn,

kịp thời, hiệu quả của các biện pháp, giải pháp được chính phủ ban hành.

### LẠM PHÁT ĐƯỢC KIỂM SOÁT Ở MỨC THẤP

Lạm phát có xu hướng liên tục giảm qua các tháng, lạm phát ở mức 1,84% (tính bình quân 12 tháng) và lạm phát cơ bản ở mức 3% trong năm 2014 rất thấp so với mức lạm phát mục tiêu mà chính phủ đề ra 5% và 4,5% theo dự báo của WB. Mức lạm phát 1,84% là mức lạm phát thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Những nguyên nhân chính để mức lạm phát trong năm 2014 dưới 3% là: Giá hàng hóa và năng lượng thế giới giảm, góp phần cắt giảm chi phí đầu vào của sản xuất, giảm thiểu tác động đến lạm phát của yếu tố chi phí đẩy (Xăng A92 giảm 30% trong năm 2014, mặt hàng xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu đều giảm mạnh); Tổng cầu nội địa suy giảm, nên không mặn mà với lãi suất giảm, chi phí kinh doanh gia tăng v.v...; Nhờ lạm phát trong năm 2012 và 2013 đều giảm, nên tâm lý lạm phát của dân chúng đã ổn định; Nhu cầu tiêu thụ, tiêu dùng yếu... đây là

## Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12 trong 10 năm gần đây

Đơn vị tính: %

	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
CPI tháng 12 năm báo cáo so với tháng trước	0,8	0,5	2,9	-0,68	1,38	1,98	0,53	0,27	0,51	-0,24
CPI tháng 12 năm báo cáo so với 12 năm trước	8,4	6,6	12,63	19,89	6,52	11,75	18,13	6,81	6,04	1,84

Nguồn: Tổng cục Thống kê

những nguyên nhân chính ảnh hưởng tới mức lạm phát của Việt Nam.

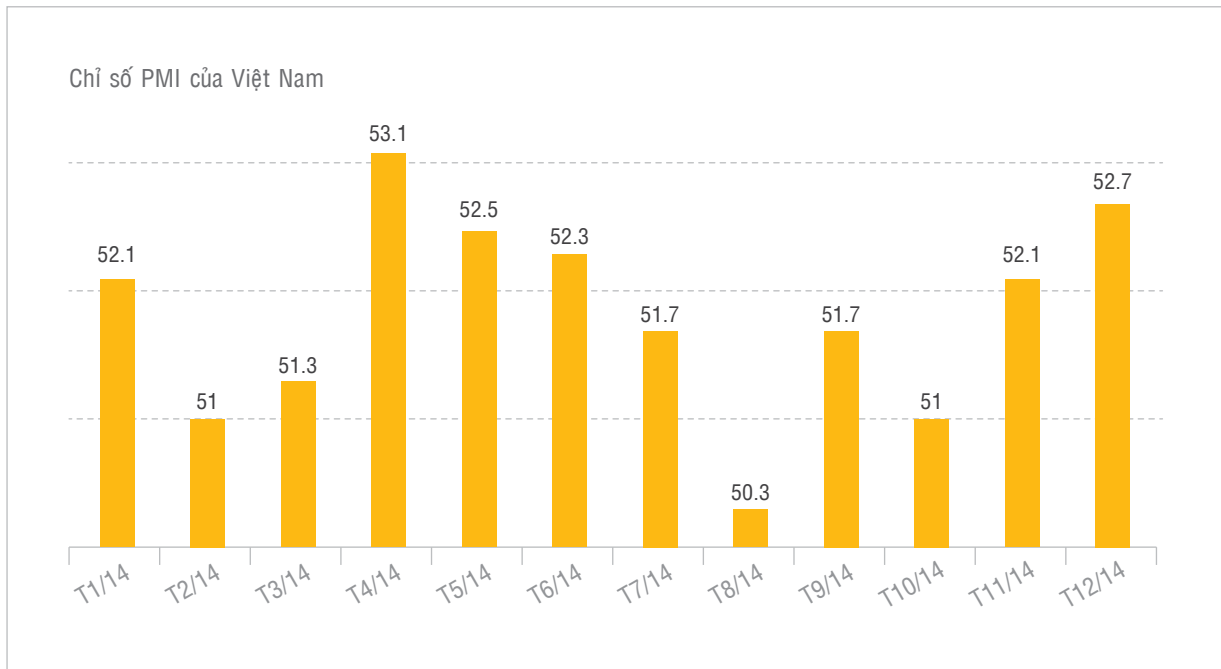
**CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG (CPI) TIẾP TỤC ĐÀ GIẢM**

Theo Tổng cục thống kê công bố Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2014 đã giảm 0,24% so với tháng 11/2014. Tuy vậy vẫn tăng 1,84% so với cùng kỳ năm trước. CPI bình quân năm 2014 so với năm 2013 tăng 4,09% đây là mức tăng rất thấp so với con số dự kiến của chính phủ (CPI dự kiến của chính phủ năm 2014 là 7%). Chỉ số giá tiêu dùng năm nay giảm do một số nguyên nhân chủ yếu sau đây: Sự giảm giá xăng, dầu và giá Gas trong nước dẫn tới chỉ số giá nhóm giao thông giảm 3,09% đóng góp 0,27% vào mức giảm chung của CPI; Sức cầu của nền kinh tế yếu; Tâm lý, thái độ bình tĩnh trong chi tiêu của người tiêu dùng.

**PMI TIẾP TỤC BÁO HIỆU CÓ SỰ CẢI THIỆN MỞ RỘNG VỀ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT**

Theo kết quả khảo sát của HSBC đưa ra ngày 12/2014 chỉ số Nhà quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất tại Việt Nam tiếp tục duy trì trên mốc 50 điểm kể từ tháng 9/2013. Trong đó, đạt 52,7 điểm cao nhất kể từ tháng 4/2014. Đồng thời chỉ số giá cả đầu vào tháng 12/2014 dưới 50 điểm và là tháng có tốc độ giảm mạnh nhất trong vòng 2 năm rưỡi. Giá cả của các nhà cung cấp thấp hơn, chi phí vận chuyển giảm, chi phí nhiên liệu giảm được cho là làm giảm chi phí sản xuất.

Lĩnh vực sản xuất tiếp tục là điểm sáng của Việt Nam với sản lượng và việc làm cùng gia tăng. Tuy nhiên, nhu cầu yếu đi ở nước ngoài, đặc biệt là Trung Quốc, là một mối lo ngại rất đáng kể. Điều này có nghĩa là ngành sản xuất vẫn kỳ



Nguồn: HSBC, cập nhật bởi BSI

vọng sản lượng tiếp tục tăng trong bối cảnh số lượng đơn đặt hàng mới tăng và lượng hàng tồn kho giảm nhưng Việt Nam vẫn phải đối mặt với những lực cản mạnh.

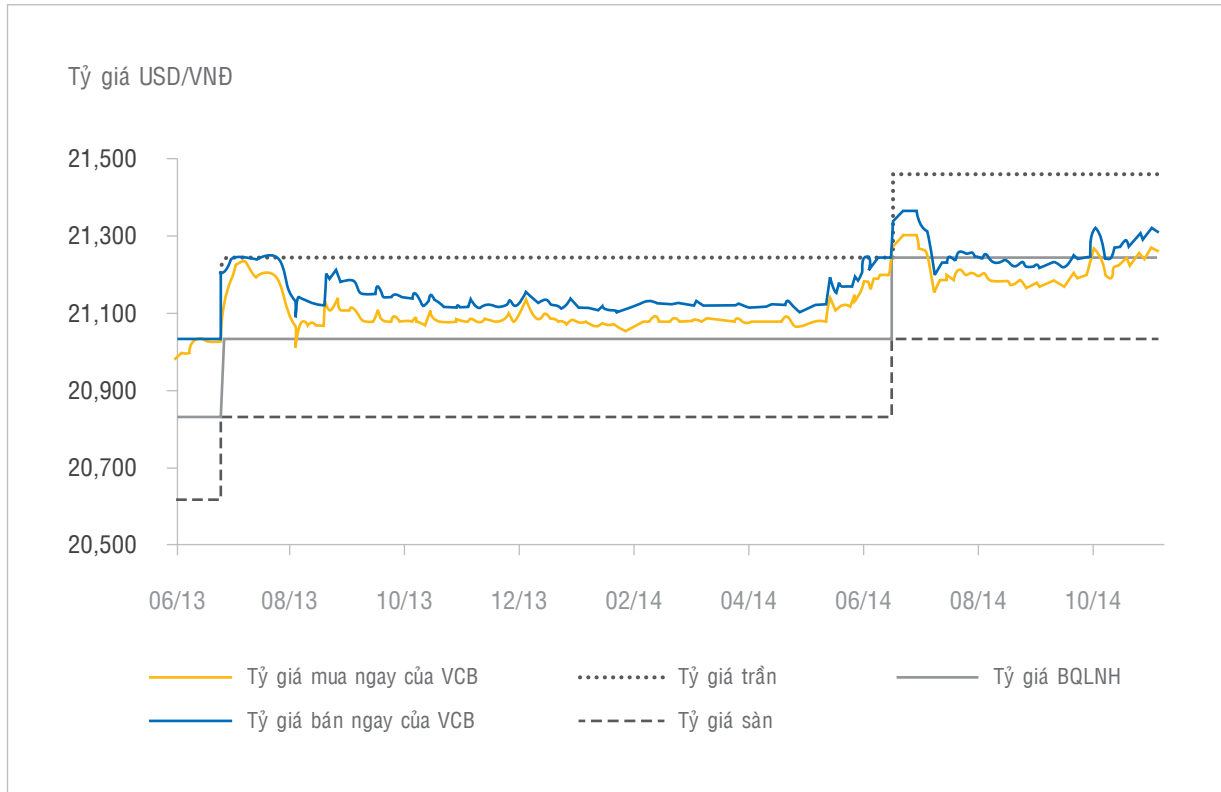
### ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài và các hiệp định thương mại sẽ đẩy mạnh tốc độ trong Lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong nước. Đặc biệt là ở phần FDI đăng ký. Phần cốt lõi là FDI giải ngân thực hiện vẫn duy trì đà tăng trưởng mạnh. Tuy vậy, sự phục hồi của lĩnh vực sản xuất trong năm 2014 là không đồng đều và có sự phân hóa rõ nét. Các doanh nghiệp trong nước vẫn còn nhiều khó khăn bởi sức cầu trong nước phục hồi yếu còn các ngành sản xuất phát triển trong năm 2014 hầu hết là các ngành thu hút được vốn FDI lớn như ngành Điện tử, Máy vi tính tăng 37,5%, xe có động cơ

tăng 22,8%... Ngoài ra chỉ số sử dụng lao động cũng phản ánh sự mở rộng của khối doanh nghiệp nước ngoài FDI tăng đến 9,5% năm 2014 tăng mạnh so với con số 6,5% của năm 2013.

### TỶ GIÁ NẪM TRONG TẦM KIỂM SOÁT

Sự ổn định của tỷ giá và thị trường ngoại hối đi cùng những cam kết và khả năng thực hiện cam kết một cách nhất quán từ phía NHNN là một thành công đáng ghi nhận. Trong cả năm 2014, tỷ giá chỉ tăng 1% lên 21.246 VND/USD từ 19/06/2014. Động thái này được nhìn nhận như một biện pháp can thiệp nhằm bình ổn thị trường trong bối cảnh tỷ giá tại các NHTM tăng kịch trần kể từ sau sự kiện biển Đông bất ngờ bùng nổ vào tháng 5/2014. Sau khi được điều chỉnh, tỷ giá tại các NHTM nhanh chóng hạ nhiệt và ổn định trở



Nguồn: CEIC, VCB, cập nhật bởi BSI

lại. Trong Quý 4, tỷ giá lại có dấu hiệu nóng lên dưới các áp lực như: Cầu ngoại tệ tăng theo yếu tố mùa vụ; Tăng trưởng tín dụng ngoại tệ khá nóng và đồng USD mạnh lên so với các đồng tiền khác trên thế giới. Trong khi đó, nguồn cung ngoại tệ được đánh giá là vẫn khá ổn định khi Việt Nam ghi nhận xuất siêu khoảng 2 tỷ USD; Vốn FDI giải ngân duy trì xu hướng tăng và đạt 12,4 tỷ USD (+7,4% yoy); Kiểu hối được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng so với năm 2013 và dự trữ ngoại hối hiện đang ở trên 35 tỷ USD, tương đương khoảng trên 12 tuần nhập khẩu. Trước tình hình này, NHNN đã phát huy tốt vai trò cơ quan điều hành, chủ động can thiệp và điều tiết tốt thị trường, giữ vững cam kết không điều chỉnh tỷ giá, từ đó củng cố niềm tin của thị trường với tiền đồng.

### Chính sách tiền tệ

Chính sách tiền tệ trong năm 2014 được NHNN điều hành và kiên quyết duy trì như trong năm 2013 đó là chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra dưới 5%, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý 6,2%, bảo đảm tính thanh khoản của các tổ chức tín dụng và nền kinh tế, duy trì ổn định mặt bằng lãi suất, tiếp tục tiến hành giảm lãi suất trong năm 2015 trong lĩnh vực cho vay trung và dài hạn từ 1% đến 1,5%, hỗ trợ thị trường tài chính trong huy động vốn cho đầu tư phát triển.

### **Chính sách tài khóa**

Bức tranh tài khóa của Việt Nam vẫn trong giai đoạn căng thẳng khi thâm hụt ngân sách/GDP liên tục ở mức cao khiến nợ công tăng nhanh. Dự kiến trong năm 2015 mức nợ công/GDP sẽ đạt mức 64%, gần chạm mức trần cho phép của Quốc Hội. Với định hướng giảm dần thâm hụt ngân sách từ năm 2015 trở đi cộng thêm nguồn thu ngân sách hạn chế, thì dư địa hỗ trợ nền kinh tế của chính sách tài khóa đã không còn. Bên cạnh đó, Chính phủ tiếp tục phải phát hành trái phiếu với khối lượng lớn để thực hiện nghĩa vụ trả lãi và nợ gốc, đồng thời thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch. Áp lực phát hành trái phiếu chính phủ dự kiến sẽ tiếp tục tăng lên trong năm 2015 và gây sức ép lên mặt bằng lợi suất trái phiếu. Việc giá dầu thô giảm mạnh tác động tiêu cực đến nguồn thu ngân sách. Chính phủ có thể bù đắp một phần hụt thu từ việc tăng thuế nhập khẩu và tiêu thụ xăng dầu song không thể bù đắp hết các tác động tiêu cực lên ngân sách.

### **Thị trường tài chính**

Trong năm 2014, Lãi suất duy trì xu hướng giảm, thanh khoản của Hệ thống ngân hàng khá tốt. Nhờ quá trình tái cơ cấu hệ thống các TCTD cũng như môi trường kinh tế vĩ mô ổn định, rủi ro của hệ thống TCTD đã giảm bớt: Thanh khoản hệ thống dồi dào, tiền gửi của khu vực dân cư và Tổ chức kinh tế tăng mạnh mặc dù lãi suất huy động giảm (hệ số LDR giảm, mặt bằng lãi suất huy động, cho vay và cả liên ngân hàng giảm mạnh xuống mức thấp ngang với thời điểm năm 2006; Đường cong lãi suất hợp lý hơn theo nguyên lý kinh tế; Chất lượng tài sản của hệ thống TCTD cải thiện, các TCTD tích cực trích lập dự phòng rủi ro tín dụng để xử lý nợ xấu; Áp lực suy giảm năng lực tài chính của các TCTD giảm bớt; Chênh lệch lãi suất cho vay – huy động (NIM) đã ổn định sau khi giảm mạnh trong giai đoạn 2011-2013. NIM giảm từ 3,5% (năm 2011) xuống 3,2% (năm 2012) và 2,8% (năm 2013) và được duy trì ổn định trong năm 2014; Tăng trưởng tín dụng cao hơn và phân bố đều hơn theo tháng trong năm 2014.

## THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2014 TĂNG KHÁ

Trong năm 2014, nền kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế được dự báo đạt trên 5.9% (cao hơn so với mục tiêu 5,8% và mức 5,42% trong năm 2013) nhờ vào gia tăng trong lĩnh vực xuất khẩu. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 11/2014 tăng 2,08% so với tháng 12/2013. Lạm phát và tỷ giá được kiểm soát tốt. Mặt bằng lãi suất đã giảm. Các giải pháp ổn định kinh tế vĩ mô, tái cấu trúc nền kinh tế đã được Chính phủ triển khai đồng bộ. Mặc dù xen kẽ trong năm có những yếu tố vĩ mô bất lợi ảnh hưởng đến sự phát triển của TTCK như tình hình Biển Đông, giá dầu quốc tế giảm mạnh và một số điều chỉnh của chính sách tiền tệ, tuy nhiên thị trường chứng khoán Việt Nam đã đạt được một số kết quả trong năm 2014 với một số điểm nổi bật như sau:

### Thị trường chứng khoán có sự tăng trưởng và xác lập mặt bằng vững chắc

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2014 có diễn biến rất khả quan xét về các phương diện tốc độ tăng chỉ số, mức độ ổn định, khối lượng giao dịch và phản ánh khá rõ nét những chuyển biến tích cực trong nền kinh tế. Thị trường phát triển theo chiều hướng tăng trưởng, mặc dù xen kẽ những khoảng điều chỉnh giảm. Chỉ số VN-Index đã lập đỉnh tại mức điểm 640,75 (ngày 3/9) sau gần 6 năm đạt được, trong khi chỉ số HNX-Index cũng đã lập đỉnh tại mức điểm 92,99 (ngày 24/3) sau đúng 3 năm. Tính đến ngày 08/12/2014, chỉ số VN-Index đạt 571,68 điểm tăng 13,3% so với cuối năm 2013, còn chỉ số HNX-Index đạt 87,17 điểm tăng 28,5% so với cuối năm 2013.

### Huy động vốn qua thị trường chứng khoán tiếp tục duy trì ở mức cao

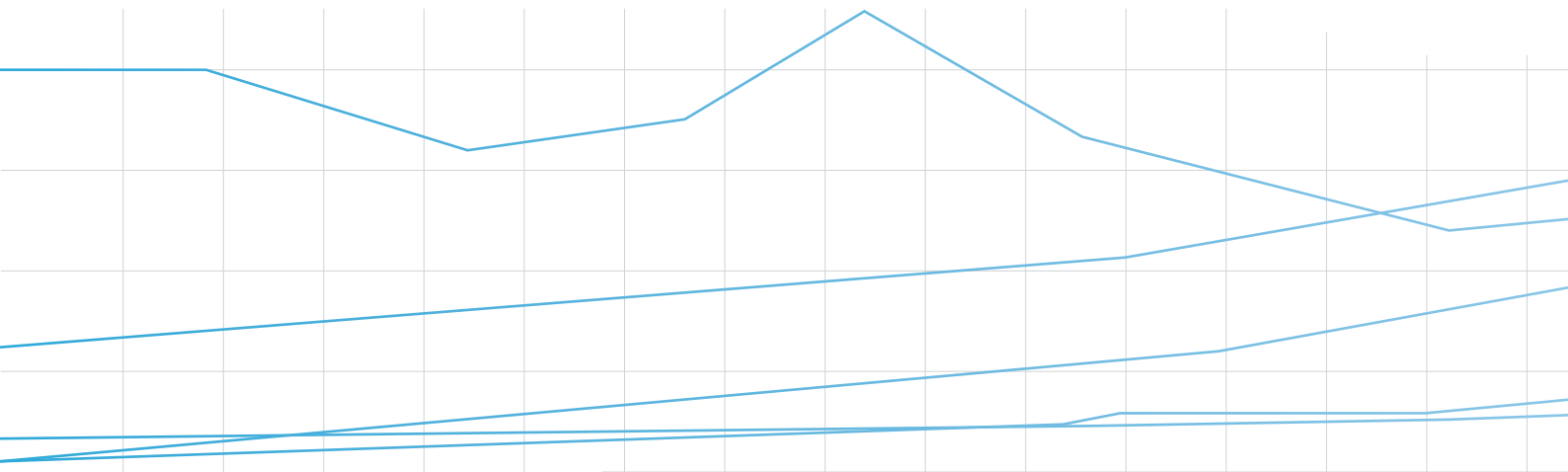
Tổng giá trị huy động vốn qua TTCK năm 2014 ước đạt 237 nghìn tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2013 và đóng góp 27,1% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, trong đó tổng giá trị huy động qua phát hành Trái phiếu Chính phủ ước đạt 214 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 90% tổng giá trị vốn huy động và gần tương đương với mức huy động vốn kỷ lục trong năm 2013.

### Các sản phẩm mới bước đầu triển khai

Bên cạnh việc triển khai sản phẩm ETF (hai quỹ sẽ vận hành trong năm 2014), cơ quan quản lý cũng đang tích cực nghiên cứu để có thể sớm triển khai thí điểm quỹ hưu trí tự nguyện, quỹ hưu trí bổ sung. Bên cạnh đó, trên cơ sở Đề án về xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán phái sinh đã được TTCP phê duyệt tại Quyết định 366/QĐ-TTg ngày 11/03/2014, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh để trình Chính phủ trong tháng 12/2014. Đây là bước tiến quan trọng trong việc tạo ra hành lang pháp lý cho việc triển khai các sản phẩm mới, tạo ra công cụ phòng ngừa rủi ro cho nhà đầu tư, tăng sức hấp dẫn cũng như góp phần đưa thị trường chứng khoán Việt Nam phát triển ở một tầm cao mới.

### Tái cấu trúc các tổ chức kinh doanh chứng khoán đạt kết quả tốt

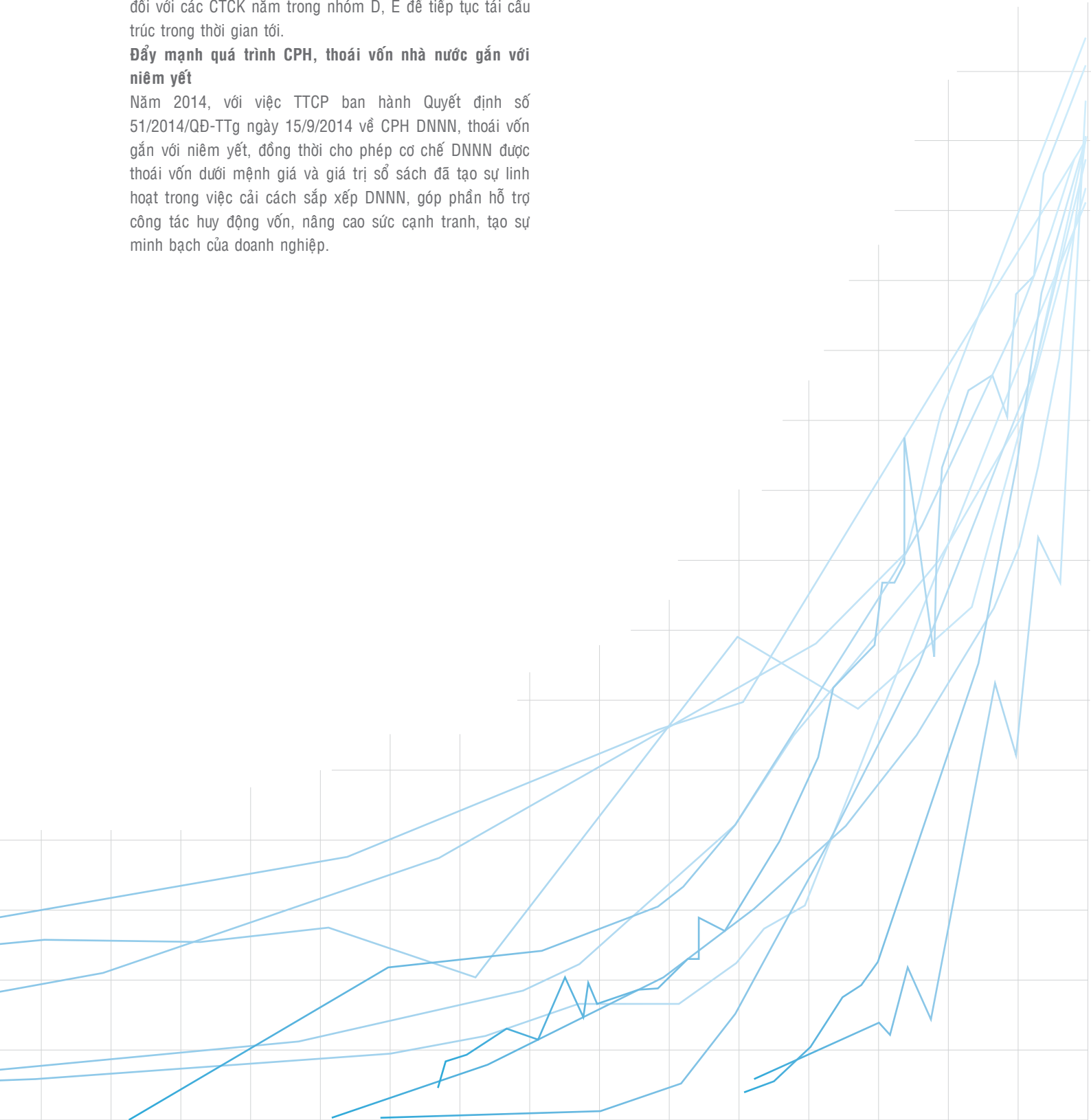
Việc tái cấu trúc tổ chức kinh doanh chứng khoán dựa trên các chỉ tiêu an toàn tài chính để tiến hành rà soát, đánh giá phân loại CTCK, trên cơ sở đó tiến hành xử lý theo hướng hợp nhất, sáp nhập, giải thể CTCK. Tính đến tháng 09/2014



đã có 20 CTCK chấm dứt và đình chỉ hoạt động, giải thể, hợp nhất, giảm số CTCK thua lỗ từ 60% xuống còn dưới 20%. Ngoài ra, UBCK cũng đã thực hiện đánh giá, xếp loại các CTCK dựa trên quy chế CAMEL. Theo đó, đã phân loại các CTCK thành các nhóm A, B, C, D, E để từ đó có phương án theo dõi, xử lý đối với từng nhóm và tiến hành kiểm tra đối với các CTCK nằm trong nhóm D, E để tiếp tục tái cấu trúc trong thời gian tới.

**Đẩy mạnh quá trình CPH, thoái vốn nhà nước gắn với niêm yết**

Năm 2014, với việc TTCP ban hành Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 về CPH DNNN, thoái vốn gắn với niêm yết, đồng thời cho phép cơ chế DNNN được thoái vốn dưới mệnh giá và giá trị sổ sách đã tạo sự linh hoạt trong việc cải cách sắp xếp DNNN, góp phần hỗ trợ công tác huy động vốn, nâng cao sức cạnh tranh, tạo sự minh bạch của doanh nghiệp.



# DỰ BÁO XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2015



Nền kinh tế phục hồi tích cực hơn trong năm 2014 với GDP tăng 5,98% so với cùng kỳ, vượt kế hoạch đề ra ở mức 5,8%. Lạm phát thấp, mặt bằng lãi suất giảm, tỷ giá ổn định. Ngoài ra, cán cân thương mại thặng dư, kiều hối lớn và vốn FDI giải ngân tăng trưởng tốt tiếp tục là động lực thúc đẩy kinh tế cũng như mang lại nguồn dự trữ ngoại hối dồi dào cho Việt Nam. Tuy nhiên, kinh tế vĩ mô vẫn còn những vấn đề tồn đọng như cầu nội địa thấp, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng chưa đạt được kết quả như kỳ vọng, nợ xấu cao, lãi suất cho vay giảm chậm, doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn kinh doanh. Bước sang năm 2015, triển vọng kinh tế vĩ mô của Việt Nam tiếp tục khả quan khi mặt bằng lãi suất tiếp tục được duy trì ở mức

thấp, hỗ trợ đầu tư và tiêu dùng từ khu vực tư nhân có dấu hiệu phục hồi, tiến trình tái cơ cấu khu vực nhà nước bao gồm các doanh nghiệp nhà nước và đầu tư công được thúc đẩy làm gia tăng hiệu quả của nền kinh tế và đầu tư từ khu vực FDI tiếp tục hứa hẹn sẽ tăng lên với việc một loạt các hiệp định thương mại tự do của Việt Nam và các đối tác như EU, Hàn Quốc và Nga - Belarus được ký kết. Trong năm 2015, kỳ vọng GDP sẽ tiếp tục tăng trưởng nhanh hơn với mức tăng từ 6-6,2%, lạm phát dao động quanh mức 4%, thị trường ngoại hối ổn định với biên độ tăng tỷ giá VND/USD không quá 2%. Tăng trưởng tín dụng dự kiến sẽ vào khoảng 13-15%, mặt bằng lãi suất có thể sẽ được điều chỉnh giảm thêm khoảng 0,5% để hỗ trợ khu vực doanh nghiệp nội địa.



# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

## TÓM TẮT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 2014

<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>		
	2012	2013	2014
Tổng tài sản	2.315.984.556.571	836.651.500.295	493.570.103.630
Vốn điều lệ	400.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000
Số cổ phiếu lưu hành (cổ phiếu)	40.000.000	40.000.000	40.000.000
Vốn chủ sở hữu	415.220.108.674	386.655.097.206	372.040.384.099

<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>		
	2012	2013	2014
Doanh thu thuần	381.746.522.266	139.894.426.189	26.815.669.075
Lợi nhuận gộp từ hoạt động	39.853.257.017	2.447.963.709	999.212.147
Lợi nhuận kinh doanh	7.218.627.338	-25.346.113.012	-13.768.299.846
Lợi nhuận trước thuế	7.367.142.052	-26.292.042.497	-13.954.042.107

<b>CHỈ TIÊU KHÁC</b>	<i>Đơn vị tính: %</i>		
	2012	2013	2014
Cơ cấu tài sản (%)			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	92.95	81.22	74.09
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	7.05	18.78	25.91
Cơ cấu nguồn vốn (%)			
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	82.07	53.79	24.62
Nguồn vốn CSH/ Tổng tài sản	17.93	46.21	75.38

<b>TỶ SUẤT LỢI NHUẬN</b>	<i>Đơn vị tính: %</i>		
	2012	2013	2014
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	1.93	-18.79	-52.04
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0.32	-3.14	-2.83
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	1.84	-6.57	-3.49
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	1.77	-6.80	-3.75

### TỔNG QUAN DỊCH VỤ

Sau hơn 07 năm hoạt động đến nay BETA đã xây dựng cho chính mình hình ảnh thông qua chất lượng cung cấp các dịch vụ chứng khoán trong đó đặc biệt là dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp và môi giới, tạo cho khách hàng sự hài lòng, tin tưởng và gắn bó chặt chẽ với Công ty.

Tất cả các nghiệp vụ Công ty đã triển khai đồng bộ và có hiệu quả.

### NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN:

**Môi giới chứng khoán niêm yết:** Với đội ngũ nhân viên môi giới chuyên nghiệp, am hiểu hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề kinh tế khác nhau đây là nhân tố cốt lõi giúp cho nghiệp vụ tư vấn khách hàng được chất lượng và hiệu quả, sẵn sàng đáp ứng các nhu cầu về tư vấn đầu tư và giao dịch chứng khoán.

**Môi giới chứng khoán OTC:** Với nhiều năm phát triển, BSI có mối quan hệ chặt chẽ với nhiều công ty đại chúng, nguồn dữ liệu về thông tin cổ phiếu phong phú, được cập nhật liên tục, nguồn dữ liệu này cung cấp cho nhà đầu tư đầy đủ thông tin về các cổ phiếu chưa niêm yết, giúp nhà đầu tư thực hiện giao dịch nhanh chóng, an toàn và giảm thiểu tối đa rủi ro.

**Lưu ký chứng khoán:** Với công nghệ hiện đại, nghiệp vụ Lưu ký, chuyển khoản chứng khoán, thực hiện quyền cho nhà đầu tư tại BSI được tiến hành một cách nhanh chóng và thuận tiện. Hệ thống quản lý và theo dõi chuyên nghiệp của BSI giúp nhà đầu tư thực hiện giao dịch một cách chính xác và hiệu quả trong thời gian nhanh nhất.

Cụ thể, khách hàng sẽ được cung cấp các dịch vụ: Ký gửi chứng khoán; Thực hiện quyền liên quan đến người sở hữu chứng khoán bao gồm Quyền bỏ phiếu (Quyền tham dự

ĐHCĐ), Quyền nhận lãi, vốn gốc trái phiếu và cổ tức bằng tiền, Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, Quyền mua chứng khoán phát hành thêm, Quyền chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi và các Quyền khác theo quy định của pháp luật; Chuyển khoản chứng khoán; Giao dịch chứng khoán lô lẻ; tặng, cho, thừa kế; Cầm cố và giải tỏa chứng khoán cầm cố.

**Quản lý sổ cổ đông:** BSI cung cấp dịch vụ Quản lý sổ cổ đông bằng phần mềm hiện đại, là một công cụ hữu ích, giải pháp giao dịch nhanh chóng, quản lý an toàn, hiệu quả nhằm tối đa hóa chi phí cho khách hàng và đảm bảo tối ưu những lợi ích của doanh nghiệp và cổ đông.

Dựa trên phần mềm công nghệ tiên tiến OOS cùng với phương thức hiện đại, chuyên nghiệp giúp giảm thiểu tối đa chi phí về tài chính và thời gian cho cổ đông. BSI luôn cập nhật, lưu giữ thông tin cổ đông một cách chính xác, đầy đủ; gửi báo cáo về danh sách cổ đông định kỳ hoặc theo yêu cầu Công ty; đảm bảo tuyệt đối an toàn dữ liệu.

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI

Năm 2014, giá trị giao dịch hoạt động môi giới chứng khoán của BSI đạt 1.741 tỷ đồng, số tài khoản mở mới trong năm 2014 là 247 tài khoản, số tài khoản mở lũy kế tính đến cuối năm 2014 là 13.830 tài khoản.

Công ty không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, chăm sóc khách hàng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, liên tục nâng cấp phần mềm dịch vụ và đa dạng hóa các hình thức phục vụ khách hàng, giao dịch ký quỹ.....Thị phần môi giới năm 2014 tại hai sàn HOSE và HNX đạt 0,13%.

BSI tiếp tục củng cố mạng lưới hoạt động tại TP.HCM nhằm duy trì và phát triển ổn định, nâng cao uy tín với khách hàng.

“Sau hơn 07 năm thành lập, chất lượng cung cấp các dịch vụ chứng khoán của BETA đã được khẳng định, khách hàng tín nhiệm, đặc biệt các nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp: tư vấn cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước đã tăng trưởng vượt bậc.”

## DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

BSI cung cấp tất cả các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp điển hình như:

### **Tư vấn cổ phần hóa và thoái vốn:**

Tư vấn chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước sang cổ phần; Tư vấn thoái vốn nhà nước đầu tư ngoài ngành theo chủ trương của chính phủ; Tư vấn đại hội cổ đông lần đầu, tư vấn bàn giao doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa.

Tư vấn đấu giá cổ phần lần đầu, Tư vấn tìm kiếm, lên phương án tính toán tỷ lệ, cơ cấu vốn, giá chào bán đối với nhà đầu tư chiến lược.

Tư vấn phương án lao động, xử lý lao động dôi dư;

Tư vấn phương án sử dụng đất cho mục đích cổ phần hóa.

Xây dựng bản cáo bạch, công bố thông tin...

**Tư vấn doanh nghiệp phát hành chứng khoán:** là dịch vụ tư vấn (cổ phiếu, trái phiếu...) để huy động vốn từ công chúng thông qua thị trường chứng khoán với các phương thức: Phát hành cổ phiếu ra công chúng (IPO); Phát hành cổ phiếu riêng lẻ; Phát hành trái phiếu doanh nghiệp; Phát hành cho đối tác chiến lược; Phát hành cổ phiếu để tăng vốn, chia cổ tức, thưởng...;

**Tư vấn niêm yết:** là dịch vụ tư vấn niêm yết chứng khoán trên sàn HOSE, HNX, và tư vấn niêm yết chứng khoán trên sàn Upcom; Tư vấn dự liệu, rà soát hồ sơ, thời điểm, chiến lược.....trước khi niêm yết; Tư vấn quản trị công ty trước và sau khi niêm yết.

**Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp:** Để đáp ứng quy định của Bộ tài chính trong công tác xác định giá trị doanh nghiệp, BSI đã ký hợp đồng liên danh với các công ty thẩm định giá được Bộ tài chính cấp phép xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa hàng năm, các doanh nghiệp này là các doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm, có uy tín và quy mô lớn nhằm mang đến cho khách hàng kết quả thẩm định giá tin cậy, chính xác, đúng quy định của Bộ tài chính trong công tác cổ phần hóa và bàn vốn nhà nước.

**Tư vấn mua bán sáp nhập:** là nghiệp vụ tư vấn xuyên suốt các quá trình sáp nhập và chia tách, tìm kiếm liên minh chiến lược, tìm kiếm đối tác thoái vốn đầu tư, dịch vụ tư vấn xác định giá trị của giao dịch, thương lượng các điều khoản cho bên mua và bên bán, ích lợi cộng hưởng sau sáp nhập...

**Bảo lãnh phát hành chứng khoán:** là nghiệp vụ kinh doanh có điều kiện về vốn cao nhất của Công ty chứng khoán, gồm bảo lãnh cam kết chắc chắn, bảo lãnh cố gắng tối đa và bảo lãnh khác theo yêu cầu của khách hàng cho từng đợt phát hành chứng khoán cụ thể, nhằm đạt được mục tiêu cao nhất trong kế hoạch huy động vốn đã đề ra.

**Dịch vụ tư vấn khác:** Tổ chức đại hội cổ đông; Xây dựng quy trình công bố thông tin; Lập các phương án xử lý khủng hoảng thông tin; Tư vấn xây dựng báo cáo thường niên...

### **KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA CÁC DỊCH VỤ TƯ VẤN**

Năm 2014, Khối tư vấn tài chính doanh nghiệp của BSI đã có sự phát triển vượt bậc, đã triển khai thành công hầu hết các hợp đồng cổ phần hóa và thoái vốn trong năm qua.

Năm 2014 kinh tế VN có những chuyển biến tích cực về kinh tế vĩ mô và kinh tế VN bắt đầu có dấu hiệu khôi phục, thị trường chứng khoán có một năm khởi sắc hơn nhiều so với các năm trước, nhìn chung hoạt động tư vấn tài chính trên thị trường có những phát triển khá tích cực, tỷ lệ đầu giá thành công cao hơn nhiều so với năm 2013.

Trên cơ sở sự hỗ trợ của ban lãnh đạo Công ty cùng với sự nỗ lực của đội ngũ chuyên gia tư vấn, nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp BSI đã có những hình ảnh về hoạt động dịch vụ đa dạng và đã để lại những ấn tượng tốt, tạo được sự tin tưởng ở khách hàng.

Với sự ủng hộ của một số lượng lớn khách hàng đã sử dụng Dịch vụ tư vấn trước đây do Công ty cung cấp, ngày càng có nhiều khách hàng lớn đã tìm đến sử dụng dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp của Công ty và đánh giá cao về tính chuyên nghiệp, năng lực tư vấn của đội ngũ nhân sự tư vấn.

Năm 2015 Khối tư vấn tài chính doanh nghiệp nỗ lực nhiều hơn trong công tác tiếp thị, đào tạo nâng cao và cập nhật nghiệp vụ, xây dựng và thiết lập kỷ luật lao động cao, ngày càng nâng cao tính chuyên nghiệp trong quá trình triển khai nghiệp vụ, rà soát và cập nhật quy trình kiểm soát chất lượng dịch vụ... Đưa ra những chính sách mới để tiếp cận với khách hàng nhằm đạt được những mục tiêu của Công ty. Với chủ trương và chỉ đạo quyết liệt từ Thủ tướng chính phủ trong công tác cổ phần hóa, hoạt động cổ phần hóa cũng đã và đang diễn ra khẩn trương hơn trong thời gian tới. Nắm bắt được tình hình và nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, phòng tư vấn cũng đã có những chiến lược nhằm tiếp cận mảng thị trường tiềm năng này.

Ngoài mối quan hệ chặt chẽ với SCIC để có thể thực hiện các hoạt động thoái vốn, cổ phần hóa cho các doanh nghiệp thuộc quản lý của tổ chức này, BSI cũng đã hình thành mối quan hệ khăng khít với Sở tài chính các Tỉnh thành, các Tổng công ty 90, 91... nhằm nắm bắt, hỗ trợ và triển khai kịp thời các chủ trương, nghiệp vụ về tư vấn cổ phần hóa cho các đối tượng có nhu cầu.

# THÀNH TỰU KHÁC



BSI qua 7 năm hoạt động đã ngày một nâng cao số lượng và chất lượng sản phẩm phân tích để cung cấp cho nhà đầu tư theo yêu cầu của nhà đầu tư. Các sản phẩm nghiên cứu, phân tích này cũng được phản hồi khá tích cực và đánh giá cao từ khách hàng.

Các sản phẩm phân tích là công cụ hỗ trợ đắc lực và hiệu quả cho hoạt động của phòng môi giới trong việc cung cấp các thông tin quan trọng của thị trường cũng như tình hình cổ phiếu cho các nhà đầu tư.

Việc triển khai thành công các hợp đồng tư vấn có sự góp sức rất lớn từ đội ngũ chuyên gia phân tích, từ việc đánh giá thông tin doanh nghiệp, năng lực hoạt động, tình hình tài chính, tiềm năng phát triển của các công ty cần tư vấn từ đó tiết kiệm được rất nhiều thời gian trong quá trình tư vấn doanh nghiệp.

Hiện nay, BSI cung cấp đầy đủ các sản phẩm phân tích, hoàn thiện báo cáo phân tích với hai ngôn ngữ Việt, Anh, hỗ trợ thông tin tham vấn tốt nhất cho khách hàng tổ chức cũng như khách cá nhân. Nhằm mang lại giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh đối với khách hàng khi giao dịch tại BSI.

Bên cạnh đó, BSI liên danh cung cấp dịch vụ thẩm định giá cho các tổ chức tài chính, các quỹ đầu tư, các nhà đầu tư cá nhân trong nước và ngoài nước bao gồm: Thẩm định giá giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, thoái vốn; Xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích mua bán, sáp nhập; Định giá cổ phiếu; Định giá thương hiệu; Định giá lợi thế thương mại, tác quyền; Thẩm định định giá bất động sản... Công ty áp dụng các phương pháp định giá tiến tiến trên thế giới, được nhiều quốc gia chấp nhận sử dụng, phù hợp với các thị trường đang phát triển như Việt Nam.

Ngoài ra dịch vụ tư vấn tài chính dự án, BSI thực hiện lập kế hoạch tài chính cho các dự án triển khai, các dự án có nhu cầu huy động vốn và cho các mục đích quản trị tài chính khác; Lập dự báo luồng tiền chi tiết cho mục đích phân tích, định giá doanh nghiệp; Lập dự án đầu tư nhằm phục vụ quá trình đầu tư, mua bán và sáp nhập doanh nghiệp...

# TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Tính đến cuối năm 2014, BSI có 40 cán bộ nhân viên đang công tác.

Trong đó:

Trình độ trên Đại học chiếm 8%, Đại học chiếm 72% và Trình độ dưới Đại học là 20%



- Trình độ trên đại học 8%
- Trình độ đại học 72%
- Trình độ dưới đại học 20%



- Giới tính Nam 56%
- Giới tính Nữ 44%





## CHÍNH SÁCH NHÂN VIÊN

BSI luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định chung về việc chi trả lương, tất cả CBNV đều được tham gia chương trình bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, lương tháng 13, các chương trình thưởng trong các dịp lễ tết (30/4, 2/9...). Cán bộ nhân viên còn được hưởng chế độ hỗ trợ làm việc như: hỗ trợ bữa ăn hàng ngày, cấp phát đồng phục, có chế độ nghỉ mát hàng năm, tổ chức sinh nhật định kỳ hàng tháng cùng với một số ưu đãi nội bộ khác.

BSI luôn xác định con người là nòng cốt cho sự phát triển, vì thế công ty luôn chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ nguồn nhân lực thông qua chương trình xây dựng hệ thống đánh giá và chuẩn hóa năng lực, kết hợp với việc đánh giá hiệu quả công việc để có chế độ bồi dưỡng, phát triển nghề nghiệp và khen thưởng kịp thời, hợp lý.

Tất cả nhân viên đều có cơ hội tham dự các lớp huấn luyện đào tạo nghiệp vụ theo nhu cầu công việc bên trong và bên ngoài và được công ty tài trợ toàn bộ chi phí.



# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2015

## MỤC TIÊU

Công ty sẽ vẫn kiên định lập trường hướng tới phát triển ổn định và bền vững, phấn đấu vươn lên trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, nổi bật về thương hiệu, uy tín về chất lượng và hiệu quả trong hoạt động.

## ĐỊNH HƯỚNG


Tình hình TTCK năm 2015 được dự báo sẽ tích cực hơn với những yếu tố được dự báo là thuận lợi của nền kinh tế thế giới và những điểm sáng của kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, TTCK tiếp tục phải đối diện với những trở ngại còn tồn tại và rủi ro tiềm ẩn. Đặc biệt là tình trạng dễ tổn thương của hệ thống tài chính – ngân hàng vẫn chưa được giải quyết triệt để.

Để đạt mục tiêu, BSI tiếp tục tạo cơ hội phát triển cho nhân sự công ty, hướng đến xây dựng đội ngũ CBNV trình độ, chuyên nghiệp, thân thiện, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao.

Năm 2015, BSI tập trung nhằm phấn đấu đạt chỉ tiêu kế hoạch trước hai tháng. Chú trọng chất lượng dịch vụ đi kèm với củng cố mạng lưới hoạt động; đề cao công tác giám sát – kiểm tra; nâng cấp và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin nhằm phục vụ cho quá trình giao dịch của nhà đầu tư nhanh chóng, tiện ích và bảo mật; đa dạng hóa sản phẩm – dịch vụ nhằm thỏa mãn mọi nhu cầu của khách hàng.

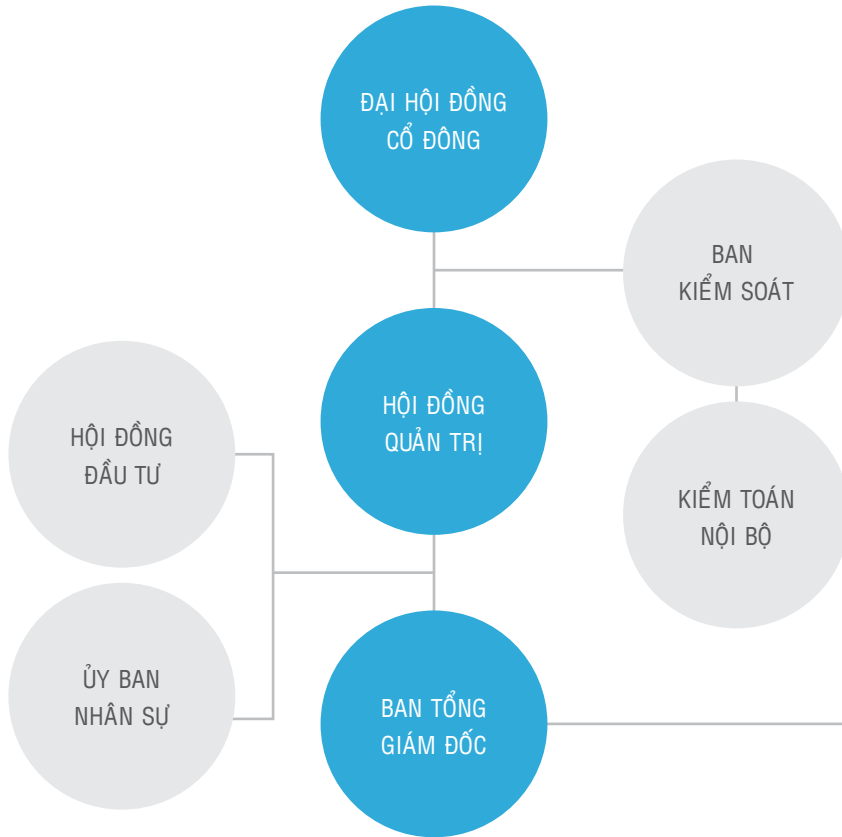
## MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH 2015

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2014	THỰC HIỆN 2015
1	Doanh thu	27.401.275.791	52.000.000.000
2	Chi phí	41.355.317.898	49.373.305.000
3	Lợi nhuận	-13.954.042.107	2.626.695.000



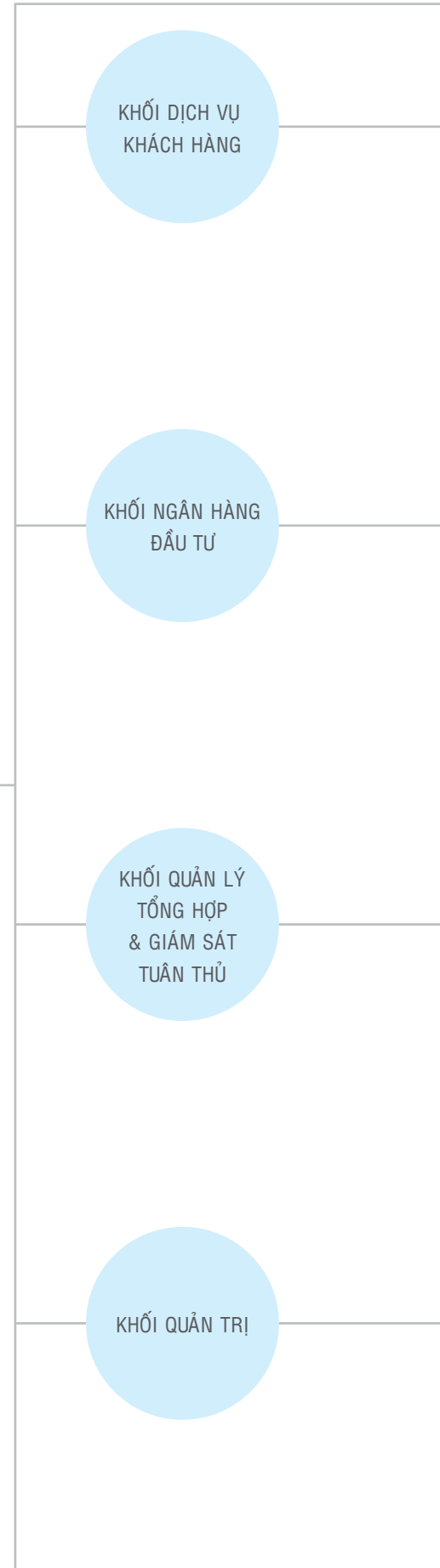
Công ty sẽ vẫn kiên định lập trường hướng tới phát triển ổn định và bền vững, phấn đấu vươn lên trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, nổi bật về thương hiệu, uy tín về chất lượng và hiệu quả trong hoạt động.

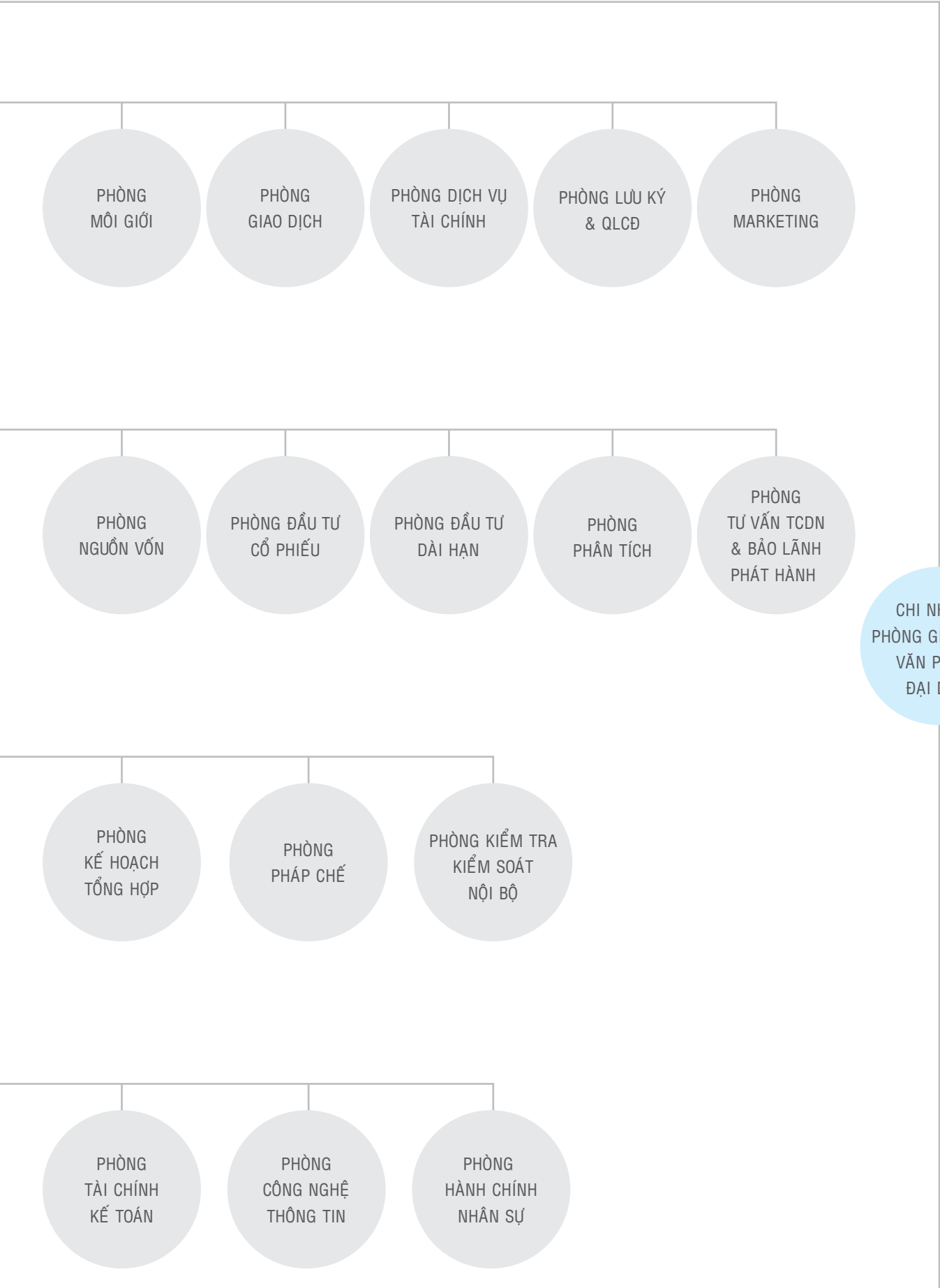
# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Bộ máy tổ chức của BSI bao gồm Hội sở, các Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện.

Tổ chức bộ máy được cấu trúc làm 4 khối: Dịch vụ khách hàng, Đầu tư, Quản lý tổng hợp & Giám sát tuân thủ, Quản trị.





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**ÔNG NGUYỄN VĂN CỰ**  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Cự đã có 20 năm kinh nghiệm về quản trị và đầu tư trong hoạt động trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng – Chứng khoán. Ông Nguyễn Văn Cự tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Hoa Kỳ, Cử nhân Tài chính – Ngân hàng và Cử nhân Luật.



**BÀ NGUYỄN THỊ MINH QUANG**  
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Nguyễn Thị Minh Quang là thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào hoạt động điều hành của BSI. Bà là người am hiểu sâu sắc và có nhiều năm kinh nghiệm đảm trách hoạt động quản trị tài chính cho nhiều doanh nghiệp. Bà Nguyễn Thị Minh Quang tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh và Cử nhân tài chính tại Hoa Kỳ.



**ÔNG HUỖNH VĂN TỐT**  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Huỳnh Văn Tốt có gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và đã từng giữ nhiều chức vụ quản trị, điều hành tại các tổ chức tài chính - ngân hàng lớn tại Việt Nam.

Ông Huỳnh Văn Tốt là Tổng Giám đốc của BSI từ 09/2012.

# BAN KIỂM SOÁT



**ÔNG NGUYỄN VĂN THIÊN**  
Trưởng ban



**ÔNG TÔN THẤT LÂM KHÁNH**  
Thành viên



**BÀ NGUYỄN THỊ HẢI**  
Thành viên

Với kiến thức và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, các thành viên Ban kiểm soát luôn xác định được vai trò trách nhiệm thực hiện kiểm soát các hoạt động của Công ty theo quy định nhằm bảo vệ lợi ích cao nhất cho các Cổ đông của Công ty. Trong suốt nhiệm kỳ qua, Ban kiểm soát đã nỗ lực giám sát hoạt động kinh doanh, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những sai phạm, sai sót nhằm đảm bảo hoạt động công ty theo đúng quy định pháp luật và điều lệ công ty cũng như thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ để ra hàng năm. Đồng thời Ban kiểm soát cũng tham gia đầy đủ các phiên họp của vủa HĐQT, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động, tích cực tham gia đóng góp ý kiến cũng như thường xuyên có những kiến nghị kịp thời hoàn thiện chính sách, quy trình, quy chế, nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của BSI.



# BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



**ÔNG HUỖNH VĂN TỐT**  
Tổng giám đốc

Ông Huỳnh Văn Tốt có gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và đã từng giữ nhiều chức vụ quản trị, điều hành tại các tổ chức tài chính - ngân hàng lớn tại Việt Nam.

Ông Huỳnh Văn Tốt là Tổng Giám đốc của BSI từ 09/2012.



**BÀ NGUYỄN THỊ MINH QUANG**  
Phó Tổng giám đốc

Bà Nguyễn Thị Minh Quang tốt nghiệp MBA và Cử nhân tài chính Hoa Kỳ, là người am hiểu sâu sắc và có nhiều kinh nghiệm trong việc quản trị tài chính doanh nghiệp.

Bà Nguyễn Thị Minh Quang là Phó Tổng Giám Đốc của BSI từ năm 2011.



**BÀ TRẦN THỊ BÔNG**  
Phó Tổng giám đốc

Bà Trần Thị Bông là Nhân sự thuộc thế hệ đầu tiên của BSI từ năm 2007. Bà có 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực pháp luật. Bên cạnh đó, bà còn là thành viên tích cực của Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Bông là Phó Tổng Giám đốc của BSI từ 11/2012.



*Thị trường chứng khoán giống như chiếc thang máy cuộn. Việc chạm đáy không nguy hiểm. Bạn không được nao núng.*

*The stock market is like a paternoster. Hitting the basement is not dangerous. You just have to keep your nerve.*

*John Kenneth Galbraith*

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Cựu	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó chủ tịch
Ông Huỳnh Văn Tốt	Thành viên

### Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Thiên	Trưởng ban
Ông Tôn Thất Lâm Khánh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên

### Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Bông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó Tổng Giám đốc

### Phòng Kiểm soát nội bộ

Ông Lê Quang Sỹ	Trưởng phòng
-----------------	--------------

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Hữu Trường.

Ngoài lương và các khoản phụ cấp theo lương, không một thành viên nào trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc có bất kỳ một khoản thu nhập nào khác từ một hợp đồng ký với Công ty hay một bên liên quan.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA - Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm báo cáo. Do việc lập Báo cáo này liên quan đến nhiều thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính nên trong việc lập Báo cáo này cũng như toàn bộ các chỉ tiêu khác của Báo cáo tài chính nói chung, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính; và
- Lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cam đoan rằng:

- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2014 được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập Báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ Báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung Báo cáo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo này tuân thủ Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**HUYỀN VĂN TỐT**

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2015

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TÀI SẢN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>365.699.073.644</b>	<b>679.563.992.622</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>44.887.786.511</b>	<b>39.165.910.305</b>
Tiền	111		44.887.786.511	39.165.910.305
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>56.295.456.975</b>	<b>55.749.655.365</b>
Đầu tư ngắn hạn	121	5.3	65.905.781.794	69.707.241.998
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	5.1	(9.610.324.819)	(13.957.586.633)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>6</b>	<b>263.071.256.222</b>	<b>583.849.420.091</b>
Phải thu của khách hàng	131		286.000.000	-
Trả trước cho người bán	132		2.202.164.000	1.149.232.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6.1	70.100.186.220	4.740.051.268
Các khoản phải thu khác	138		215.655.507.002	603.489.919.395
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	6.2	(25.172.601.000)	(25.529.782.572)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.444.573.936</b>	<b>799.006.861</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		253.339.133	188.315.058
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.191.234.803	610.691.803

<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>127.871.029.986</b>	<b>157.087.507.673</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.080.457.966</b>	<b>5.256.570.593</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	2.568.851.970	3.973.760.807
- Nguyên giá	222		18.379.151.117	19.064.430.117
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.810.299.147)	(15.090.669.310)
Tài sản cố định vô hình	227	10	511.605.996	1.282.809.786
- Nguyên giá	228		4.734.660.821	4.689.660.821
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.223.054.825)	(3.406.851.035)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>11</b>	<b>1.464.507.500</b>	<b>1.815.989.300</b>
- Nguyên giá	241		3.514.818.000	3.514.818.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.050.310.500)	(1.698.828.700)
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>114.610.087.321</b>	<b>143.838.566.249</b>
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	5.3	11.519.000.000	20.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	5.4	103.455.125.000	127.403.125.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	5.1	(364.037.679)	(3.564.558.751)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.715.977.199</b>	<b>6.176.381.531</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		852.540.157	263.549.123
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	7	3.013.437.042	2.849.832.408
Tài sản dài hạn khác	268	8	4.850.000.000	3.063.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>493.570.103.630</b>	<b>836.651.500.295</b>

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NGUỒN VỐN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>121.529.719.531</b>	<b>449.996.403.089</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>121.529.719.531</b>	<b>449.996.403.089</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	80.000.000.000	436.561.000.000
Phải trả người bán	312		83.160.388	55.634.800
Người mua trả tiền trước	313		21.553.500.000	117.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	106.567.144	207.158.257
Phải trả người lao động	315		431.675.000	771.470.097
Chi phí phải trả	316	14	58.972.222	19.781.720
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	4.071.724.184	9.986.489.067
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	16	14.799.446.043	1.333.805.790
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		22.800	52.971.737
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		424.651.750	657.921.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	233.170.621



<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>372.040.384.099</b>	<b>386.655.097.206</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>372.040.384.099</b>	<b>386.655.097.206</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.786.350.257	1.786.350.257
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	657.921.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		657.921.000	657.921.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(30.403.887.158)	(16.447.095.051)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>493.570.103.630</b>	<b>836.651.500.295</b>

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	004	1.037.935.347	-
<b>Chứng khoán lưu ký</b>	<b>006</b>	<b>1.251.918.250.000</b>	<b>1.126.808.000.000</b>
<i>Trong đó:</i>			
<b>Chứng khoán giao dịch</b>	<b>007</b>	<b>591.530.820.000</b>	<b>543.728.100.000</b>
Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	5.430.000	5.170.000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	590.426.960.000	541.857.840.000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	1.098.430.000	1.865.090.000
<b>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</b>	<b>012</b>	<b>201.160.000</b>	<b>847.460.000</b>
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	201.160.000	847.460.000
<b>Chứng khoán cầm cố</b>	<b>017</b>	<b>562.876.530.000</b>	<b>560.333.050.000</b>
Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	27.408.940.000	32.408.940.000
Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	535.467.590.000	527.924.110.000
<b>Chứng khoán chờ thanh toán</b>	<b>027</b>	<b>5.127.390.000</b>	<b>3.149.300.000</b>
Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	4.203.990.000	-
Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	923.400.000	3.149.300.000

<b>Chứng khoán phong toả chờ rút</b>	<b>032</b>	-	-
<b>Chứng khoán chờ giao dịch</b>	<b>037</b>	<b>137.370.000</b>	<b>856.980.000</b>
Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	80.000
Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	137.370.000	856.900.000
<b>Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay</b>	<b>042</b>	<b>92.044.980.000</b>	<b>17.893.110.000</b>
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	92.044.980.000	17.893.110.000
<b>Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	<b>050</b>	<b>14.685.620.000</b>	<b>421.622.040.000</b>
<i>Trong đó:</i>			
<b>Chứng khoán giao dịch</b>	<b>051</b>	<b>14.685.620.000</b>	210.811.020.000
Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	40.000	540.000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	14.685.580.000	210.810.480.000

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2014 VND	NĂM 2013 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>18</b>	<b>26.815.669.075</b>	<b>139.894.426.189</b>
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		3.870.983.569	2.744.690.819
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		1.956.362.749	9.198.748.781
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		317.542.792	94.545.455
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		341.761.994	554.752.577
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	23.556.000
Doanh thu khác	01.9		20.329.017.971	127.278.132.557
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>		<b>26.815.669.075</b>	<b>139.894.426.189</b>
<b>Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư</b>	<b>14</b>		<b>26.815.669.075</b>	<b>139.894.426.189</b>
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	11	19	25.816.456.928	137.446.462.480
<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>999.212.147</b>	<b>2.447.963.709</b>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	14.767.511.993	27.794.076.721
<b>(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(13.768.299.846)</b>	<b>(25.346.113.012)</b>
Thu nhập khác	31	21	585.606.716	145.456.765
Chi phí khác	32	22	771.348.977	1.091.386.250
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(185.742.261)</b>	<b>(945.929.485)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(13.954.042.107)</b>	<b>(26.292.042.497)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(13.954.042.107)</b>	<b>(26.292.042.497)</b>
<b>(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>(349)</b>	<b>(657)</b>

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2014 VND	NĂM 2013 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		<b>(13.954.042.107)</b>	<b>(26.292.042.497)</b>
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		2.333.708.437	3.012.919.534
Các khoản dự phòng	3		(6.867.029.111)	8.092.280.166
Lãi hoạt động đầu tư	5		(1.968.111.759)	(12.108.644.377)
Chi phí lãi vay	6		26.375.797.488	130.263.732.365
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước</b>	<b>8</b>		<b>5.920.322.948</b>	<b>102.968.245.191</b>
<b>thay đổi vốn lưu động</b>				
Tăng các khoản phải thu	9		318.695.341.460	1.449.996.787.309
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11		29.237.920.560	(1.176.351.411.937)
Giảm chi phí trả trước	12		(654.015.109)	214.694.903
Tiền lãi vay đã trả	13		(26.375.797.488)	(159.235.954.587)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		13.000.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.802.750.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh</b>	<b>20</b>		<b>325.034.022.371</b>	<b>217.592.360.879</b>
<b>doanh</b>				
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(1.188.604.118)	(921.430.224)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	145.454.545
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(36.745.522.000)	(2.154.316.600)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		72.975.617.204	43.109.054.475
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.207.362.749	10.799.917.769
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>37.248.853.835</b>	<b>50.978.679.965</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		80.000.000.000	306.500.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(436.561.000.000)	(554.793.465.064)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài</b>	<b>40</b>		<b>(356.561.000.000)</b>	<b>(248.293.465.064)</b>
<b>chính</b>				
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>5.721.876.206</b>	<b>20.277.575.780</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>39.165.910.305</b>	<b>18.888.334.525</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>44.887.786.511</b>	<b>39.165.910.305</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## TIỀN

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Tiền mặt	552.304.220	102.086.946
Tiền gửi ngân hàng	44.335.482.291	39.063.823.359
<i>Trong đó:</i>		
- Tiền gửi ngân hàng của Công ty	41.760.327.079	30.888.533.073
- Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	2.575.155.212	8.175.290.286
<b>CỘNG</b>	<b>44.887.786.511</b>	<b>39.165.910.305</b>

## GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm CP	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
<b>Các giao dịch của công ty chứng khoán</b>	<b>4.140.789</b>	<b>53.089.969.700</b>
Cổ phiếu	4.140.789	53.089.969.700
<b>Các giao dịch của nhà đầu tư</b>	<b>132.464.466</b>	<b>1.688.874.468.000</b>
Cổ phiếu	132.464.416	1.688.873.998.000
Chứng khoán khác	50	470.000
<b>CỘNG</b>	<b>136.605.255</b>	<b>1.741.964.437.700</b>

**ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>56.295.456.975</b>	<b>55.749.655.365</b>
Chứng khoán thương mại (5.3)	65.905.781.794	69.707.241.998
- Chứng khoán niêm yết	65.905.730.994	69.706.826.198
- Chứng khoán chưa niêm yết	50.800	415.800
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (5.1)	(9.610.324.819)	(13.957.586.633)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>114.610.087.321</b>	<b>143.838.566.249</b>
Chứng khoán sẵn sàng để bán (5.3)	11.519.000.000	20.000.000.000
- Chứng chỉ quỹ	11.519.000.000	20.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác (5.4)	103.455.125.000	127.403.125.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (5.1)	(364.037.679)	(3.564.558.751)
<b>CỘNG</b>	<b>170.905.544.296</b>	<b>199.588.221.614</b>

**CHI TIẾT DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN**

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết	(9.610.324.819)	(13.957.586.633)
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(364.037.679)	(3.564.558.751)
<b>CỘNG</b>	<b>(9.974.362.498)</b>	<b>(17.522.145.384)</b>

**TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Tạm ứng	1.191.234.803	610.691.803
<b>CỘNG</b>	<b>1.191.234.803</b>	<b>610.691.803</b>

**TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Tiền nộp ban đầu	<b>124.212.275</b>	<b>124.212.275</b>
Tiền nộp bổ sung	2.250.397.707	2.250.397.707
Tiền lãi phân bổ	638.827.060	475.222.426
<b>CỘNG</b>	<b>3.013.437.042</b>	<b>2.849.832.408</b>

**TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	4.850.000.000	3.063.000.000
<b>CỘNG</b>	<b>4.850.000.000</b>	<b>3.063.000.000</b>

**CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Chi phí trả trước dài hạn khác	852.540.157	263.549.123
<b>CỘNG</b>	<b>852.540.157</b>	<b>263.549.123</b>



**VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	Tại 01/01/2014 VND	SỐ VAY TRONG KỲ VND	SỐ ĐÃ TRẢ TRONG KỲ VND	Tại 31/12/2014 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>107.500.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>107.500.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>
Vay ngắn hạn Ngân hàng	107.500.000.000	80.000.000.000	107.500.000.000	80.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - Hội sở (1)	107.500.000.000	80.000.000.000	107.500.000.000	80.000.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>329.061.000.000</b>	-	<b>329.061.000.000</b>	-
Mệnh giá Trái phiếu phát hành	329.000.000.000	-	329.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt (2)	329.000.000.000	-	329.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Bến Thành	61.000.000	-	61.000.000	-
<b>CỘNG</b>	<b>436.561.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>436.561.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bản Việt - Hội sở chính theo hợp đồng tín dụng số 0004/06914/02.HĐHMTD ký ngày 26/12/2014 với tổng hạn mức là 80.000.000.000 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất vay được xác định cho từng lần nhận tiền vay theo quyết định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và ghi cụ thể trên giấy nhận nợ. Thời hạn vay 12 tháng từ ngày 26/12/2014 đến 26/12/2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu STB (xem chi tiết tại thuyết minh số 24).

(2) Khoản vay theo Hợp đồng mua trái phiếu 20/11/TP-BSI ngày 29/06/2011 và Hợp đồng mua trái phiếu 21/11/TP-BSI ngày 29/06/2011 giữa Công ty CP Chứng khoán BETA (Bên phát hành) và Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (Nhà đầu tư). Tổng số lượng trái phiếu phát hành ban đầu là 385.000 trái phiếu, với tổng giá trị là 385 tỷ đồng. Toàn bộ nguồn thu về từ đợt phát hành được tổ chức phát hành sử dụng cho mục đích tài trợ cho việc hợp tác đầu tư cổ phiếu và trái phiếu được Ngân hàng TMCP Liên Việt chấp thuận. Kỳ hạn trái phiếu là 3 năm, đáo hạn vào ngày 30/06/2014.

**THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Thuế GTGT	10.144.967	1.536.365
Thuế thu nhập cá nhân	96.422.177	205.621.892
<b>CỘNG</b>	<b>106.567.144</b>	<b>207.158.257</b>

**CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Trích trước chi phí quản lý cổ đông	58.972.222	19.781.720
<b>CỘNG</b>	<b>58.972.222</b>	<b>19.781.720</b>

**CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Kinh phí công đoàn	30.168.972	38.176.128
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.466.400.000	1.773.022.653
Phải trả cổ tức công ty BETA	1.466.400.000	1.466.400.000
Phải trả khác cho nhà đầu tư	-	306.622.653
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.575.155.212	8.175.290.286
<b>CỘNG</b>	<b>4.071.724.184</b>	<b>9.986.489.067</b>

**PHẢI THU KHÁCH HÀNG VỀ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Phải thu phí bán của khách hàng	9.702.878	6.387.459
Phải thu khách hàng ứng trước tiền bán chứng khoán	4.846.892.322	777.657.637
Phải thu khách hàng giao dịch ký quỹ	65.243.591.020	3.956.006.172
<b>CỘNG</b>	<b>70.100.186.220</b>	<b>4.740.051.268</b>

**THUYẾT MINH CHI TIẾT TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Số dư đầu năm	(25.529.782.572)	(15.330.952.550)
Số sử dụng trong năm	1.037.935.347	1.980.879.353
Số hoàn nhập/(trích lập) trong năm	(680.753.775)	(12.179.709.375)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(25.172.601.000)</b>	<b>(25.529.782.572)</b>

**CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	62.263.514	20.533.444
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	54.438.829	60.756.346
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	14.682.743.700	1.252.516.000
<b>CỘNG</b>	<b>14.799.446.043</b>	<b>1.333.805.790</b>



*Trên thị trường chứng khoán, 2 nhân 2 không bao giờ bằng 4, nhưng bằng 5 trừ 1. Bạn cần có bản lĩnh để chịu đựng chuyện "trừ một" đó.*

*One the stock market, two multiplied by two is never four, but rather five minus one. You just have to have the nerves to endure the minus one.*

*Andre Kostolany*

**CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN****CHỈ TIÊU**

Tại 01/01/2014

	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng
	VND	VND	VND	VND
1. Phải thu của khách hàng	-	-	-	286.000.000
2. Trả trước cho người bán	1.149.232.000	-	-	2.788.215.916
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	4.740.051.268	-	-	902.954.704.915
- Phải thu của Sở (Trung tâm) GDCK			-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	4,740,051,268	-	-	902.954.704.915
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán			-	-
- Phải thu trung tâm lưu ký chứng khoán			-	-
- Phải thu thành viên khác			-	-
4. Trả trước cho người bán				-
5. Thuế GTGT được khấu trừ				-
6. Phải thu nội bộ				
7. Phải thu khác	603.489.919.395	-	31.477.216.156	55.624.726.904
- HĐ HTĐT chứng khoán niêm yết	15.472.000.454	-	15.472.000.454	-
- HĐ HTĐT CK chưa niêm yết	328.527.678.848	-	-	-
- HĐ ủy thác đầu tư	241.518.682.286	-	-	8.477.730.034
- Phải thu khác của nhà đầu tư	16.005.215.702	-	16.005.215.702	26.944.490.959
- Phải thu khác - tài sản chờ xử lý	1.966.012.105	-	-	-
- Phải thu khác	330.000	-	-	20.202.505.911
8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(25.529.782.572)	-	-	(680.753.775)
<b>CỘNG</b>	<b>583,849,420,091</b>	<b>-</b>	<b>31.477.216.156</b>	<b>960.972.893.960</b>

## SỐ PHÁT SINH TRONG NĂM

Tại 31/12/2014

Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số xử lý xóa nợ khó đòi	Số khó đòi	Số dự phòng đã lập
VND	VND	VND	VND	VND	VND
-	286.000.000	-	-	-	-
1.735.283.916	2.202.164.000	-	-	-	-
837.594.569.963	70.100.186.220	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
837.594.569.963	70.100.186.220	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
443.459.139.297	215.655.507.002	-	1.037.935.347	28.547.926.050	25.172.601.000
2.535.419.954	12.936.580.500	-	1.037.935.347	12.936.580.500	12.017.994.000
328.527.678.848	-	-	-	-	-
62.969.875.826	187.026.536.494	-	-	-	-
27.338.361.111	15.611.345.550	-	-	15.611.345.550	13.154.607.000
1.966.012.105	-	-	-	-	-
20.121.791.453	81.044.458	-	-	-	-
1.037.935.347	(25.172.601.000)	-	-	-	-
<b>1.283.826.928.523</b>	<b>263.071.256.222</b>	-	<b>1.037.935.347</b>	<b>28.547.926.050</b>	<b>25.172.601.000</b>

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

CHỈ TIÊU	SỐ LƯỢNG		GIÁ TRỊ THEO SỐ SÁCH KẾ TOÁN		GIÁ THỊ TRƯỜNG SO VỚI SỐ SÁCH		TỔNG GIÁ TRỊ THEO GIÁ THỊ TRƯỜNG		GHI CHÚ	
	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014	Tăng	Giảm	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014		
	CP	CP	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	<b>3.161.840</b>	<b>3.241.473</b>	<b>65.905.781.794</b>	<b>69.707.241.998</b>	<b>2.375.224</b>	<b>1.427.635</b>	<b>(9.610.324.819)</b>	<b>(13.957.586.633)</b>	<b>49.346.015.500</b>	<b>55.751.083.000</b>
<b>Chứng khoán niêm yết</b>	<b>3.161.840</b>	<b>3.241.387</b>	<b>65.904.966.528</b>	<b>69.706.061.732</b>	<b>2.375.224</b>	<b>1.427.635</b>	<b>(9.609.679.153)</b>	<b>(13.956.551.367)</b>	<b>49.345.845.900</b>	<b>55.750.938.000</b>
Sàn GDCK Hà Nội	250	233	3.178.700	3.178.700	602.200	108.800	(498.900)	(1.666.500)	3.282.000	1.621.000
MAC	97	87	907.300	907.300	208.200	-	-	(472.300)	1.115.500	435.000
NGC	20	20	314.000	314.000	160.000	-	-	(40.000)	474.000	274.000
NHC	14	7	224.000	224.000	126.000	-	-	(77.700)	350.000	146.300
SSM	21	21	365.400	365.400	-	-	(102.900)	(178.500)	262.500	186.900
TPP	8	8	-	-	108.000	108.000	-	-	108.000	108.800
VCR	40	40	188.000	188.000	-	-	(56.000)	(88.000)	132.000	100.000
VE9	50	50	1.180.000	1.180.000	-	-	(340.000)	(810.000)	840.000	370.000
Sàn GDCK TPHCM	3.161.554	3.241.154	65.901.787.828	69.702.883.032	1.773.024	1.318.835	(9.609.180.253)	(13.954.884.867)	49.342.563.900	55.749.317.000
ABT	2	2	81.800	81.800	23.200	-	-	(800)	105.000	81.000
AGR	1	1	12.500	12.500	-	-	(6.400)	(7.700)	6.100	4.800
BMC	12	12	189.600	189.600	129.600	294.000	-	-	319.200	483.600



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

CHỈ TIÊU	SỐ LƯỢNG		GIÁ TRỊ THEO SỐ SÁCH KẾ TOÁN				GIÁ THỊ TRƯỜNG SO VỚI SỐ SÁCH				TỔNG GIÁ TRỊ THEO GIÁ THỊ TRƯỜNG		GHI CHÚ
	Tại 01/01/2014		Tại 31/12/2014		Tại 01/01/2014		Tại 31/12/2014		Tại 01/01/2014		Tại 31/12/2014		
	CP	CP	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
CLC	9	9	153.900	153.900	129.600	121.500	-	-	-	-	283.500	275.400	
CTG	4	4	84.800	84.800	-	-	(29.600)	(20.000)	(20.000)	(20.000)	55.200	64.800	
DCT	5	5	44.000	44.000	-	-	(33.000)	(30.500)	(30.500)	(30.500)	11.000	13.500	
DIG	7	6	217.200	217.200	-	-	(125.500)	(142.800)	(142.800)	(142.800)	91.700	74.400	
DMC	9	6	171.000	171.000	198.000	112.800	-	-	-	-	369.000	283.800	
DTL	5	5	100.000	100.000	-	-	(53.500)	(41.000)	(41.000)	(41.000)	46.500	59.000	
EIB	220.399	9	2.650.704.103	130.412	-	-	-	(17.912)	(17.912)	(17.912)	-	112.500	
GIL	5	5	105.000	105.000	75.000	34.000	-	-	-	-	180.000	139.000	
GTT	3	3	29.556	29.556	-	6.444	(17.556)	(17.556)	(17.556)	(17.556)	12.000	36.000	
HAX	7	7	76.200	76.200	-	-	(15.300)	(46.800)	(46.800)	(46.800)	60.900	29.400	
HLG	5	5	51.000	51.000	-	-	(34.000)	(22.500)	(22.500)	(22.500)	17.000	28.500	
HPG	12	11	321.500	321.500	314.500	130.600	-	-	-	-	636.000	452.100	
HSG	2	2	33.400	33.400	61.600	49.200	-	-	-	-	95.000	82.600	
ITA	2	2	29.829	29.829	-	-	(13.829)	(16.629)	(16.629)	(16.629)	16.000	13.200	
ITC	5	5	110.500	110.500	-	-	(73.000)	(72.000)	(72.000)	(72.000)	37.500	38.500	
KDC	7	6	247.000	247.000	102.300	59.000	-	-	-	-	349.300	306.000	
LAF	1	1	22.800	22.800	-	-	(10.800)	(14.700)	(14.700)	(14.700)	12.000	8.100	
LCG	2	2	15.600	15.600	1.400	-	-	(2.800)	(2.800)	(2.800)	17.000	12.800	
MBB	1	1	26.180	26.180	-	-	(13.080)	(13.480)	(13.480)	(13.480)	13.100	12.700	
PGC	2	2	30.400	30.400	-	-	(3.200)	(5.200)	(5.200)	(5.200)	27.200	25.200	
PNJ	4	4	133.200	133.200	26.400	-	-	(10.800)	(10.800)	(10.800)	159.600	122.400	
PVD	9	9	500.732	500.732	79.768	48.268	-	-	-	-	580.500	549.000	

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

CHỈ TIÊU	SỐ LƯỢNG		GIÁ TRỊ THEO SỔ SÁCH KẾ TOÁN		GIÁ THỊ TRƯỜNG SO VỚI SỔ SÁCH				TỔNG GIÁ TRỊ THEO GIÁ THỊ TRƯỜNG		GHI CHÚ		
	01/01/2014		31/12/2014		TĂNG		GIẢM		31/12/2014			01/01/2014	
	Tại CP	Tại CP	Tại VND	Tại VND	Tại VND	Tại VND	Tại VND	Tại VND	Tại VND	Tại VND		Tại VND	Tại VND
PVT	6	6	56.400	56.400	27.600	13.800	-	-	-	84.000	70.200		
REE	6	6	94.677	94.677	74.523	82.923	-	-	-	169.200	177.600		
SC5	27	27	420.800	420.800	259.600	200.200	-	-	-	680.400	621.000		
SFC	8	8	230.400	230.400	-	-	(14.400)	(38.000)	(38.000)	216.000	192.000		
SGT	5	5	53.500	53.500	-	-	(24.000)	(31.500)	(31.500)	29.500	22.000		
SJS	5	5	285.000	285.000	-	-	(159.500)	(192.500)	(192.500)	125.500	92.500		
STB	2.940.894	3.240.894	63.245.581.110	69.697.250.005	-	-	(9.608.376.514)	(13.953.873.205)	(13.953.873.205)	49.336.092.000	55.743.376.800		
STG	1	1	23.100	23.100	11.900	-	-	(4.300)	(4.300)	35.000	18.800		
TCM	6	6	128.400	128.400	63.600	-	-	(4.800)	(4.800)	192.000	123.600		
TCR	7	7	57.200	57.200	-	-	(12.400)	(29.900)	(29.900)	44.800	27.300		
TLH	7	7	106.074	106.074	-	-	(43.774)	(53.574)	(53.574)	62.300	52.500		
TMS	1	1	26.200	26.200	23.800	2.100	-	-	-	50.000	28.300		
TNA	6	6	159.000	159.000	-	-	(3.000)	(15.000)	(15.000)	156.000	144.000		
TS4	10	10	159.400	159.400	-	-	(51.400)	(64.400)	(64.400)	108.000	95.000		
VCB	4	4	110.567	110.567	17.033	-	-	(3.367)	(3.367)	127.600	107.200		
VIC	13	9	481.500	481.500	138.600	148.500	-	-	-	620.100	630.000		
VPH	5	5	119.000	119.000	-	-	(66.500)	(76.500)	(76.500)	52.500	42.500		
VSH	5	5	58.500	58.500	9.000	15.500	-	-	-	67.500	74.000		
VTO	18	18	145.200	145.200	6.000	-	-	(31.800)	(31.800)	151.200	113.400		

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

CHỈ TIÊU	SỐ LƯỢNG		GIÁ TRỊ THEO SỐ SÁCH KẾ TOÁN				GIÁ THỊ TRƯỜNG SO VỚI SỐ SÁCH				TỔNG GIÁ TRỊ THEO GIÁ THỊ TRƯỜNG		GHI CHÚ
	Tại 01/01/2014		Tại 31/12/2014		Tại 01/01/2014		Tại 31/12/2014		Tại 01/01/2014		Tại 31/12/2014		
	CP	CP	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
UPCOM	32	32	764.466	764.466	-	-	(594.866)	(619.466)	169.600	145.000			
HBD	10	10	242.247	242.247	-	-	(112.247)	(130.247)	130.000	112.000			
VSP	22	22	522.219	522.219	-	-	(482.619)	(489.219)	39.600	33.000			
OTC	4	54	50.800	415.800	-	-	(50.800)	(415.800)	-	-			
MCV	4	4	50.800	50.800	-	-	(50.800)	(50.800)	-	-			
SVS	-	50	-	365.000	-	-	-	(365.000)	-	-			
<b>II. Chứng khoán đầu tư</b>	<b>115.19</b>	<b>200</b>	<b>11.519.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.519.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>			
<b>1. Chứng khoán sẵn để bán</b>	<b>115.19</b>	<b>200</b>	<b>11.519.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.519.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>			
Chứng chỉ quỹ	115.19	200	11.519.000.000	20.000.000.000	-	-	-	-	11.519.000.000	20.000.000.000			
- Quỹ đầu tư	115.19	200	11.519.000.000	20.000.000.000	-	-	-	-	11.519.000.000	20.000.000.000			
Chứng khoán Y tế Bản Việt													
<b>CỘNG</b>	<b>3.161.955</b>	<b>3.241.673</b>	<b>77.424.781.794</b>	<b>89.707.241.998</b>	<b>2.375.224</b>	<b>1.427.635</b>	<b>(9.610.324.819)</b>	<b>(13.957.586.633)</b>	<b>60.865.015.500</b>	<b>75.751.083.000</b>			

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

CHỈ TIÊU	SỐ LƯỢNG		GIÁ TRỊ GHI SỔ		GHI CHÚ
	Tại 31/12/2014 CP	Tại 01/01/2014 CP	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND	
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>7.794.125</b>	<b>10.948.125</b>	<b>103.455.125.000</b>	<b>127.403.125.000</b>	<b>(*)</b>
Công ty CP Nhà An Phú (APH)	316.250	316.250	8.287.500.000	8.287.500.000	
Công ty CP bia & nước giải khát Việt Hà (*)	100.000	100.000	2.000.000.000	2.000.000.000	
Công ty CP ô tô Đô Thành	-	1.300.000	-	13.000.000.000	
Công ty CP Thời Trang Việt (*)	151.875	151.875	5.315.625.000	5.315.625.000	
Công ty CP Liên Minh (*)	1.000.000	1.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	
Công ty CP ĐT XD KCN Vĩnh Lộc	1.200.000	1.200.000	15.000.000.000	15.000.000.000	
Công ty Viễn Thông Đô Thành	-	400.000	-	4.000.000.000	
Công ty CP TM Đầu tư Đô Thành (*)	-	2.180.000	-	21.800.000.000	
Công ty CP TMDV Đô Thành Tín	5.000.000	4.300.000	50.000.000.000	43.000.000.000	
Công ty CP dịch vụ Điện tử Việt	26.000	-	7.852.000.000	-	
<b>CỘNG</b>	<b>7.794.125</b>	<b>10.948.125</b>	<b>103.455.125.000</b>	<b>127.403.125.000</b>	

(\*) Các khoản đầu tư dài hạn này chưa được đánh giá giá trị để xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2014

TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	SỐ DƯ ĐẦU KỲ		SỐ TĂNG, GIẢM				SỐ DƯ CUỐI KỲ	
		NĂM 2013		NĂM 2014		Tăng VND	Giảm VND	Tại 31/12/2013 VND	Tại 31/12/2014 VND
		Tại 01/01/2013 VND	Tại 01/01/2014 VND	Tăng VND	Giảm VND				
<b>Vốn chủ sở hữu</b>									
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18.1	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	-	-	400.000.000.000	400.000.000.000
Quy đầu tư phát triển		1.417.993.257	1.786.350.257	368.357.000	-	-	-	1.786.350.257	1.786.350.257
Quy dự phòng tài chính		289.564.000	657.921.000	368.357.000	-	-	657.921.000	657.921.000	-
Quy khác thuộc vốn chủ sở hữu		289.564.000	657.921.000	368.357.000	-	-	-	657.921.000	657.921.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.2	13.222.987.417	(16.447.095.051)	-	-	29.670.082.468	13.956.792.107	(16.447.095.051)	(30.403.887.158)
<b>CỘNG</b>		<b>415.220.108.674</b>	<b>386.655.097.206</b>	<b>1.105.071.000</b>	<b>-</b>	<b>29.670.082.468</b>	<b>14.614.713.107</b>	<b>386.655.097.206</b>	<b>372.040.384.099</b>

<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI</b>	<b>Năm 2014</b> <b>Số tăng/(giảm)</b> VND	<b>Năm 2013</b> <b>Số tăng/(giảm)</b> VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	(368.357.000)
- Trích quỹ đầu tư dự phòng tài chính	-	(368.357.000)
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	(368.357.000)
- Trích quỹ khen thưởng	-	(368.357.000)
- Chi phí truy thu thuế (*)	(2.750.000)	(1.904.611.971)
- Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế tăng trong năm	(13.954.042.107)	(26.292.042.497)
<b>CỘNG</b>	<b>(13.956.792.107)</b>	<b>(29.670.082.468)</b>

## VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<b>THEO ĐĂNG KÝ KINH DOANH</b>		<b>Tại 31/12/2014</b>
	<b>SỐ VỐN CAM KẾT GÓP</b> VND	<b>TỶ LỆ</b> %	<b>SỐ VỐN THỰC GÓP</b> VND
Ông Nguyễn Văn Cựu	106.497.660.000	26.62%	106.497.660.000
Bà Nguyễn Thị Minh Kỳ	73.843.300.000	18.46%	73.843.300.000
Bà Huỳnh Thị Ngọc Hân	51.130.000.000	12.78%	51.130.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	36.850.000.000	9.21%	36.850.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á	44.000.000.000	11.00%	44.000.000.000
Ông Huỳnh Văn Thọ	30.000.000.000	7.50%	30.000.000.000
Bà Phan Thị Yên Hà	25.925.000.000	6.48%	25.925.000.000
Các cổ đông khác	31.754.040.000	7.94%	31.754.040.000
<b>CỘNG</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>400.000.000.000</b>

(\*) Chi phí truy thu thuế theo quyết định số 1376/QĐ-CT-TTr2 ngày 15/04/2013 về việc xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua thanh tra việc chấp hành pháp luật về thuế, niên độ thanh tra: năm 2008, 2009, 2010 và 2011.

**DOANH THU**

	<b>Năm 2014</b> VND	<b>Năm 2013</b> VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	3.870.983.569	2.744.690.819
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.956.362.749	9.198.748.781
- Cổ tức nhận được	406.058	4.567.035.613
- Chênh lệch lãi bán khoản đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.955.956.691	4.631.713.168
Doanh thu lưu ký chứng khoán	341.761.994	554.752.577
Doanh thu hoạt động tư vấn	317.542.792	94.545.455
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	-	23.556.000
Doanh thu khác	20.329.017.971	127.278.132.557
<b>CỘNG</b>	<b>26.815.669.075</b>	<b>139.894.426.189</b>

	<b>Năm 2014</b> VND	<b>Năm 2013</b> VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

	<b>Năm 2014</b> VND	<b>Năm 2013</b> VND
Chi phí môi giới chứng khoán	920.698.214	703.011.468
Phí Lưu ký chứng khoán	662.217.590	770.728.335
Chi phí hoạt động đầu tư CK, góp vốn	1.246.493.895	2.368.298.431
Chi phí trả lãi tiền vay	26.434.769.710	130.263.732.365
Chi phí dự phòng	(7.547.782.886)	(2.106.549.856)
Chi phí tư vấn, môi giới	58.439.600	40.000.000
Chi phí khác	4.041.620.805	5.407.241.737
<b>CỘNG</b>	<b>25.816.456.928</b>	<b>137.446.462.480</b>

**CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm 2014</b> VND	<b>Năm 2013</b> VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.822.099.017	6.303.376.539
Chi phí vật liệu quản lý	139.196.430	247.022.094
Chi phí đồ dùng văn phòng	508.771.922	178.026.913
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.982.226.637	2.640.238.206
Thuế phí, lệ phí	4.800.000	130.569.650
Chi phí dự phòng	680.753.775	10.198.830.022
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.508.864.777	6.450.267.732
Chi phí bằng tiền khác	2.120.799.435	1.645.745.565
<b>CỘNG</b>	<b>14.767.511.993</b>	<b>27.794.076.721</b>

**THU NHẬP KHÁC**

	<b>Năm 2014</b> VND	<b>Năm 2013</b> VND
Thu từ thanh lý TSCĐ	251.000.000	145.454.545
Thu nhập khác	334.606.716	2.220
	<b>585.606.716</b>	<b>145.456.765</b>

**CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Năm 2014</b> VND	<b>Năm 2013</b> VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	238.885.990	
Phạt vi phạm hành chính	532.462.986	1.018.040.461
Chi phí khác	1	73.345.789
	<b>771.348.977</b>	<b>1.091.386.250</b>



**CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(13.954.042.107)</b>	<b>(26.292.042.497)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(26.738.462.059)	(2.518.356.042)
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.072.342.538	2.048.679.571
- Các khoản điều chỉnh giảm	(28.810.804.597)	(4.567.035.613)
Chuyển lỗ năm 2013	(28.810.398.539)	-
Cổ tức nhận được	(406.058)	(4.567.035.613)
Tổng thu nhập chịu thuế	(40.692.504.166)	(28.810.398.539)
Thuế suất thuế TNDN	22%	25%
Thuế TNDN phải nộp trong năm	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC VND	MÁY MÓC THIẾT BỊ VND	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN VND	TSCĐ KHÁC VND	CỘNG VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Tại 01/01/2014</b>	<b>5.814.034.824</b>	<b>4.535.854.203</b>	<b>3.254.841.877</b>	<b>5.459.699.213</b>	<b>19.064.430.117</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(622.279.000)	(63.000.000)	(685.279.000)
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>5.814.034.824</b>	<b>4.535.854.203</b>	<b>2.632.562.877</b>	<b>5.396.699.213</b>	<b>18.379.151.117</b>
<b>HAO MÒN LUYỄN KẾ</b>					
<b>Tại 01/01/2014</b>	<b>(3.314.658.721)</b>	<b>(4.442.146.444)</b>	<b>(2.166.126.784)</b>	<b>(5.167.737.361)</b>	<b>(15.090.669.310)</b>
Trích KH trong năm	(584.745.232)	(83.804.701)	(380.688.170)	(116.784.744)	(1.166.022.847)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	383.393.010	63.000.000	446.393.010
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>(3.899.403.953)</b>	<b>(4.525.951.145)</b>	<b>(2.163.421.944)</b>	<b>(5.221.522.105)</b>	<b>(15.810.299.147)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại 01/01/2014</b>	<b>2.499.376.103</b>	<b>93.707.759</b>	<b>1.088.715.093</b>	<b>291.961.852</b>	<b>3.973.760.807</b>
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>1.914.630.871</b>	<b>9.903.058</b>	<b>469.140.933</b>	<b>175.177.108</b>	<b>2.568.851.970</b>

**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>PHẦN MỀM MÁY TÍNH</b> VND	<b>WEBSITE CÔNG TY</b> VND	<b>TSCĐ VÔ HÌNH KHÁC</b> VND	<b>CỘNG</b> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại 01/01/2014	4.273.308.840	168.955.500	247.396.481	4.689.660.821
Tăng do mua mới	45.000.000	-	-	45.000.000
Tại 31/12/2014	4.318.308.840	168.955.500	247.396.481	4.734.660.821
<b>HAO MÒN LUYỄN KẾ</b>				
Tại 01/01/2014	(2.990.499.054)	(168.955.500)	(247.396.481)	(3.406.851.035)
Trích KH trong năm	(816.203.790)	-	-	(816.203.790)
Tại 31/12/2014	(3.806.702.844)	(168.955.500)	(247.396.481)	(4.223.054.825)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2014	1.282.809.786	-	-	1.282.809.786
Tại 31/12/2014	511.605.996	-	-	511.605.996

**BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	<b>BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ</b> VND	<b>CỘNG</b> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại 01/01/2014	3.514.818.000	3.514.818.000
Tại 31/12/2014	3.514.818.000	3.514.818.000
<b>HAO MÒN LUYỄN KẾ</b>		
Tại 01/01/2014	(1.698.828.700)	(1.698.828.700)
Trích KH trong năm	(351.481.800)	(351.481.800)
Tại 31/12/2014	(2.050.310.500)	(2.050.310.500)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2014	1.815.989.300	1.815.989.300
Tại 31/12/2014	1.464.507.500	1.464.507.500

**GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Năm 2014 VND</b>
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Cổ đông lớn, Thành viên HĐQT Ban Giám đốc	Giá trị giao dịch mua chứng khoán Giá trị giao dịch bán chứng khoán	1.002.064.000 6.022.121.000
Bà Trần Thị Bông	Phó Tổng Giám đốc	Giá trị giao dịch mua chứng khoán Giá trị giao dịch bán chứng khoán	742.960.000 1.232.090.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	Giao dịch lớn	Chi phí lãi vay Trả nợ vay Nhận tiền vay	12.728.364.646 107.500.000.000 80.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Giao dịch lớn	Chi phí lãi vay Trả nợ vay trái phiếu	13.704.801.370 329.000.000.000
Bà Phạm Thụy Ngọc Quyên	Giao dịch lớn	Giá trị giao dịch bán chứng khoán Thu nợ hợp đồng ủy thác đầu tư	4.874.172.000 6.100.000.000
Bà Đỗ Thị Hồng	Giao dịch lớn	Thu nợ hợp đồng ủy thác đầu tư Giá trị giao dịch bán chứng khoán	4.000.000.000 27.560.598.000
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên Ban kiểm soát	Thu nợ hợp đồng ủy thác đầu tư	13.233.183.006
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thương	Giao dịch lớn	Thu nợ hợp đồng ủy thác đầu tư	5.400.000.000

**SỐ DƯ CỦA CÔNG TY VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Tại 31/12/2014	
			Khoản phải thu VND	Khoản phải trả VND
Ngân hàng TMCP Bản Việt	Giao dịch lớn	Số dư vay ngắn hạn	-	80.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên Ban kiểm soát	Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	33.766.816.994	-
Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	667.084.803	-
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	350.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thương	Giao dịch lớn	Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	40.000.000.000	-
Bà Phạm Thụy Ngọc Quyên	Giao dịch lớn	Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	45.900.000.000	-
Bà Đỗ Thị Hồng	Giao dịch lớn	Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	30.000.000.000	-

**THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	70.740.575	423.341.740
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.098.854.769	1.343.200.923
Ban kiểm soát	-	-
<b>CỘNG</b>	<b>1.169.595.344</b>	<b>1.766.542.663</b>





**Hội sở**

Tầng 4 & 5, 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3914 2929

Fax: (84-8) 3914 3435

Email: [support@bsi.com.vn](mailto:support@bsi.com.vn)

**Văn phòng đại diện Nha Trang**

34 Thống Nhất, Phường Vạn Thạnh, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

Điện thoại: (058) 3822 120

Fax: (058) 3825 440

Email: [support@bsi.com.vn](mailto:support@bsi.com.vn)